

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

1

Dàjiā hǎo, huānyíng láidào Mandarin Corner! Wǒ shì Eileen.

大家好，欢迎来到 Mandarin Corner！我是 Eileen。

Xin chào mọi người! Chào mừng đến với Mandarin Corner! Mình là Eileen.

2

Jīntiān yòu gěi dàjiā dàilái le yī qī bōkè jiémù,

今天又给大家带来了一期播客节目，

Hôm nay, mình lại tiếp tục mang đến cho các bạn một chương trình podcast,

3

dànshì ne tā de xíngshì gēn yǐwǎng de huì yǒusuǒbùtóng,

但是呢它的形式跟以往的会有所不同，

nhưng hình thức của nó sẽ khác với các tập trước,

4

yīnwèi wǒmen jiāng yǐ shìpín de xíngshì zhǎnxiàn gěi dàjiā.

因为我们将以视频的形式展现给大家。

bởi vì chúng mình sẽ làm podcast dưới dạng video.

5

Zhèyàngzi dehuà nǐmen bùjǐn kěyǐ tīngdào wǒmen de shēngyīn

这样的话你们不仅可以听到我们的声音，

Như vậy, các bạn không chỉ nghe thấy giọng nói,

6

hái néng kàndào wǒmen de zuǐ xíng, biǎoqíng jí dòngzuò,

还能看到我们的嘴型、表情及动作，

mà còn có thể nhìn thấy khẩu hình miệng, biểu cảm trên gương mặt của bọn mình.

7

xīwàng dàjiā xǐhuan zhège xīn de bōkè xíngshì.

希望大家喜欢这个新的播客形式。

Hi vọng các bạn sẽ thích hình thức podcast mới này!

8

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Lìngwài ne wǒ zhīdao nǐmen dāngzhōng yǒuxiē rén

另外呢我知道你们当中有些人

Ngoài ra, mình cũng được biết có một vài bạn

9

gēn wǒmen fǎnyìng guò hěnduō cì,

跟我们反映过很多次，

có phản ánh với chúng mình nhiều lần,

10

shuō xiǎng duō tīngtīng běifāng rén de kǒuyīn.

说想多听听北方人的口音。

đó là muốn nghe giọng miền Bắc nhiều hơn.

11

Nà jīntiān wǒ jiù zhuānmén gěi dàjiā qǐng lái le

那今天我就专门给大家请来了

Vì vậy nên hôm nay mình đã đặc biệt mời đến đây

12

yī wèi zhèngzōng de dōngběi gēmenr,

一位正宗的东北哥们儿，

một anh bạn người Đông Bắc chính thống,

13

érqiě tā jiāng chéngwéi wǒmen jiémù zhōng de chángkè.

而且他将成为我们节目中的常客。

và cậu ấy sẽ trở thành khách mời thường xuyên trong các tập podcast của chúng ta.

14

Xiàmiàn ne wǒmen jiù xiān qǐng tā lái zuò gè zìwǒjièshào ba.

下面呢我们就先请他来做自我介绍吧。

Bây giờ chúng ta sẽ mời cậu ấy giới thiệu bản thân nhé!

15

Dàjiā hǎo! Wǒ shì Xiǎofēng.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

大家好！我是晓峰。

Chào mọi người! Mình là Hiếu Phong.

16

Wǒ jiùshì gāngcái Eileen tídao de nàge zhèngzōng de dōngběi gēmenr,

我就是刚才 Eileen 提到的那个正宗的东北哥们儿，

Mình là anh anh chàng người Đông Bắc chính thống mà Eileen vừa mới nhắc tới.

17

wǒ láizì Hēilóngjiāng Hāerbīn.

我来自黑龙江哈尔滨。

Mình đến từ Cáp Nhĩ Tân, thuộc tỉnh Hắc Long Giang.

18

Hāerbīn shì yī zuò zài Zhōngguó de běifāng chéngshì,

哈尔滨是一座在中国的北方城市，

Harbin is a city in northern China

Cáp Nhĩ Tân là một thành phố nằm ở phía Bắc Trung Quốc.

19

nàli dōngtiān de jǐngsè tèbié de hǎo,

那里冬天的景色特别的好，

Cảnh sắc ở đó vào mùa đông rất đẹp.

20

dàjiā rúguǒ yǐhòu láidào Zhōngguó

大家如果以后来到中国

Nếu sau này các bạn đến Trung Quốc,

21

kěyǐ qù Hāerbīn zhǎo wǒ wánr.

可以去哈尔滨找我玩儿。

Có thể đến Cáp Nhĩ Tân tìm gặp mình.

22

Nà nǐ néng gēn dàjiā jièshào yīxià nǐ xiànzài zài shénme dìfang ma?

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

那你能跟大家介绍一下你现在在什么地方吗?

Vậy bạn có thể giới thiệu với mọi người một chút là hiện tại bạn đang sống ở đâu?

23

Wǒ xiànzài zhù zài Zhēnzhèn, lái zhèlǐ yǐjīng yǒu yī nián le.

我现在住在深圳，来这里已经有一年了。

Hiện tại mình đang sống ở Thâm Quyển được 1 năm rồi.

24

Nà zài nánfāng hái xíguàn ma?

那在南方还习惯吗?

Có quen với cuộc sống miền Nam không?

25

Hái kěyǐ, yǐnshí fāngmiàn hái kěyǐ.

还可以，饮食方面还可以。

Cũng ổn. Đồ ăn cũng được.

26

Ránhòu ne jiùshì zhèbiān de tiānqì bǐjiào... huì tūrán xià yǔ,

然后呢就是这边的天气比较... 会突然下雨，

Thời tiết bên này rất hay mưa đột ngột,

27

ránhòu yǒushíhou huì biànde bǐjiào rè, duì

然后有时候会变得比较热，对

rồi thì thoáng lại trở nên rất nóng.

28

Nà wǒ gānggang gēn dàjiā shuō le nǐ shì láizì běifāng de,

那我刚刚跟大家说了你是来自北方的，

Mình vừa giới thiệu với mọi người là bạn đến từ miền Bắc,

29

nà nǐ néngbùnéng gēn dàjiā shuō yī shuō

那你能不能跟大家说一说

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

vậy bạn có thể chia sẻ với mọi người

30

zhègè běifāng kǒuyīn yǒu shénme tèdiǎn ne?

这个北方口音有什么特点呢?

giọng người miền Bắc có những đặc điểm gì?

31

Běifāng kǒuyīn de yī gè bǐjiào míngxiǎn de tèdiǎn jiùshì érhuà yīn.

北方口音的一个比较明显的特点就是儿化音。

Một đặc điểm khá nổi bật của giọng miền Bắc đó là âm uốn lưỡi er.

32

Jiù xiàng gāngcái nǐ mófǎng nàgè dōngběi gēmenr,

就像刚才你模仿那个东北哥们儿,

giống như khi bạn bắt chước cách nói “ge menr”.

33

dànshì nǐ de dōngběi huà bù shì hěn shúliàn,

但是你的东北话不是很熟练,

nhưng giọng miền Bắc của bạn vẫn chưa trôi chảy lắm,

34

xūyào zài gēn wǒ xué yī xué. | Xíng

需要再跟我学一学。| 行

vẫn cần học từ mình. | Được!

35

Wǒ hái kěyǐ zài jǔ jǐgè lìzi ba,

我还可以再举几个例子吧,

Mình có thể lấy thêm một vài ví dụ,

36

bǐrú shuō xīguā zhī zhèngcháng de dúyīn shì xīguā zhī,

比如说西瓜汁正常的读音是西瓜汁,

Ví dụ như, từ “nước dưa hấu” bình thường đọc là “xi gua zhi”

Tại Sao Một Số Đoàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

37

zài wǒmen běifāng de dúyīn kěnéng jiùshì xīguā zhīr.

在我们北方的读音可能就是西瓜汁儿。

nhưng theo cách đọc của người miền Bắc sẽ là “xi gua zhir”

38

Zhèyàngzi, duì

这样子，对

Kiểu như vậy.

39

Xiǎohái, wǒmen jiù shuō chéng xiǎoháir,

小孩，我们就说成小孩儿

Hay như từ “xiao hai” thì bọn mình sẽ đọc thành “xiao hai er”,

40

Duì, nǐ kěyǐ shuō yī gè wánzhěng de jùzi,

对，你可以说一个完整的句子，

Đúng vậy. Bạn có thể thử nói cả câu,

41

bǐrú shuō: xiǎoháir xǐhuan hē xīguā zhīr.

比如说：小孩儿喜欢喝西瓜汁儿。

ví dụ như: Đứa trẻ thích uống nước ép dưa hấu.

42

Xiǎoháir xǐhuan hē xīguā zhīr.

小孩儿喜欢喝西瓜汁儿。

Đứa trẻ thích uống nước ép dưa hấu.

43

Very nice! Tèbié hǎo!

Very nice! 特别好!

Very nice! Rất tốt!

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

44

Hǎo ba, nà háiyou shénme tèdiǎn ne, chúle zhège érhua yīn?

好吧，那还有什么特点呢，除了这个儿化音？

Được rồi. Vậy ngoài âm uốn lưỡi ra thì còn có đặc điểm nào khác không?

45

Chúle érhua yīn, hái huì yǒuyīxiē cíyǔ de shǐyòng bùtài yīyàng.

除了儿化音，还会有一些词语的使用不太一样。

Ngoài âm uốn lưỡi thì một vài từ cũng có cách dùng khá là khác.

46

Bǐrú shuō wǒmen de xǐhuan zhège cí,

比如说我们的喜欢这个词，

Ví dụ như từ “xǐ huan” (thích),

47

xǐhuan zhège cí huì shuō chéng xīhan.

喜欢这个词会说成稀罕。

Ở miền Bắc sẽ được đọc thành “xī han” .

48

Bǐrú shuō, wǒ jǔ gè lìzi, wǒ xīhan nǐ.

比如说，我举个例子，我稀罕你。

Để mình lấy ví dụ, “wo xī han nǐ” (Mình thích bạn).

49

Duì, zhèyàngzi

对，这样子

Là như vậy đó.

50

Wǒ xǐhuan nǐ de yìsi, duì

我喜欢你的意思，对

Có nghĩa là “wo xī huan nǐ”.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

51

Wǒ bù xīhán xiǎoháir.

我不稀罕小孩儿。

Wǒ bù xīhán xiǎoháir (Tôi không thích trẻ con).

52

Duì, wǒ bù xīhán xiǎoháir, duì, shì zhèyàngzi

对，我不稀罕小孩儿，对，是这样子

Chuẩn! Chính là “Wǒ bù xīhán xiǎoháir”(Tôi không thích trẻ con).

53

Háiyǒu yī gè shì yīnggāi... nǐ méiyǒu tīngdào guò de yīnggāi shì zéi,

还有一个是应该... 你没有听到过的应该是贼，

Còn một từ nữa mà có lẽ bạn chưa nghe qua đó là từ “zéi”

54

jiùshì xiǎotōu nàge zéi

就是小偷那个贼

có nghĩa là kẻ trộm trong tiếng Trung.

55

Zhège cí wǒmen yòng lái xíng róng fēi cháng de yì si,

这个词我们用来形容非常的意思，

Từ này ở miền Bắc có nghĩa là “rất”

56

bǐ rú shuō jīn tiān de bō kè zéi hǎo kàn,

比如说今天的播客贼好看，

Ví dụ như “jīn tiān de bō kè zéi hǎo kàn”

57

jiùshì jīn tiān de bō kè fēi cháng hǎo kàn de yì si.

就是今天的播客非常好看的意思。

có nghĩa là “podcast hôm nay rất hay”.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

58

Zhè bēi xīguā zhīr zéi hǎohē!

这杯西瓜汁儿贼好喝!

Zhè bēi xīguā zhīr zéi hǎohē! (Cốc nước ép dưa hấu này rất ngon!)

59

Duì, xué de hěn kuài.

对, 学得很快。

Chuẩn. Bạn học rất nhanh!

60

Hái kěyǐ a?

还可以啊?

Cũng được đấy chứ, phải không?

61

Wǒ hái shì yǒudiǎn xué běifāng huà de qiánlì, shì ba?

我还是有点学北方话的潜力, 是吧?

Mình cũng có tiềm năng học tiếng miền Bắc đó chứ?

62

Shì, yǒuqiánlì

是, 有潜力

Đúng, rất có tiềm năng.

63

Nà xiàmiàn ne wǒmen jiù jìnrù jīntiān de bōkè zhǔtí ba!

那下面呢我们就进入今天的播客主题吧!

Vậy bây giờ chúng ta hãy bắt đầu vào chủ đề tập podcast hôm nay nhé!

64

Tā gēn yī gè shèhuìxiàngxiàng yǒuguān.

它跟一个社会现象有关。

Nó có liên quan đến một hiện tượng xã hội.

65

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Wǒ xiān wèn yīxià Xiǎofēng, nǐ píngshí huì kàn zhēnrénxiù jiémù ma?

我先问一下晓峰，你平时会看真人秀节目吗？

Trước tiên mình muốn hỏi Hiểu Phong, bình thường bạn có hay xem các chương trình thực tế không?

66

Xiàng pǎo nán a, chuàngzào yíng zhīlèi de.

像跑男啊、创造营之类的。

Ví dụ như là Running Man, Creativity Camp, v.v

67

Píngshí huì kàn de, yīnwèi jiàqī de shíhou

平时会看的，因为假期的时候

Bình thường cũng có xem, bởi vì vào những kì nghỉ

68

gēn dàjiā jù zài yìqǐ yào yǒu liáo de huàtí,

跟大家聚在一起要有聊的话题，

khi tụ tập với bạn bè cần có chủ đề để tán gẫu,

69

xiàng pǎo nán a huòzhě shì yīxiē xuǎnxiùjiémù

像跑男啊或者是一些选秀节目

Running Man hay các chương trình tài năng

70

jiùshì bǐjiào bùcuò de huàtí, dàjiā dōu néng liáo qǐlai.

就是比较不错的话题，大家都能聊起来。

là những chủ đề hay để bắt đầu cuộc trò chuyện.

71

Nà nǐ yǒuméiyǒu fāxiàn zài zhèxiē jiémù lǐ de nán jiābīn,

那你有没有发现在这些节目里的男嘉宾，

Vậy bạn có để ý là những khách mời nam trong các chương trình như vậy

72

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

xiànzài shì dǎban de yuèláiyuè piàoliang le,

现在是打扮得越来越漂亮了，

ngày nay trang điểm càng lúc càng đẹp,

73

érqiě chuānzhuó yě hěn nǚxìng huà le ne?

而且穿着也很女性化了呢？

và ăn mặc cũng trở nên rất nữ tính không?

74

Shìde, zài yīxiē jiémù dāngzhōng a,

是的，在一些节目当中啊，

Đúng vậy, trong một vài show

75

jiùshì yǐngshì dāngzhōng a dōu yǒu zhèyàng de xiànxàng,

就是影视当中啊都有这样的现象，

cũng như trong các bộ phim cũng đều có hiện tượng này,

76

yīnwèi qíshí yǒu yī dà bùfen guānzhòng

因为其实有一大部分观众

bởi vì thực tế phần lớn bộ phận người xem

77

qíshí hěn xǐhuan zhèzhǒng xíngxiàng de nánháizi,

其实很喜欢这种形象的男孩子，

rất thích kiểu con trai như vậy,

78

tèbiéshì nǚxìng guānzhòng.

特别是女性观众。

đặc biệt là các khán giả nữ

79

Nà jīntiān wǒmen yào lái tàntǎo de huàtí jiùshì

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

那今天我们要来探讨的话题就是

Vậy chủ đề mà ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng thảo luận đó là

80

Zhōngguó de nánxìng wèishénme yuèláiyuè nǚxìnghuà le?

中国的男性为什么越来越女性化了?

Vì sao nam giới Trung Quốc đang ngày càng trở nên nữ tính hóa?

81

Shìde, zhège huàtí zài wǎngluò shàng dàjiā tāolùn de yě hěn jīliè,

是的, 这个话题在网络上大家讨论得也很激烈,

Đúng vậy, chủ đề này đang được mọi người thảo luận sôi nổi trên mạng,

82

yīnwèi nánxìng nǚxìnghuà tā bìjīng shì yī gè bǐjiào xīnxiān de xiànxàng,

因为男性女性化它毕竟是一个比较新鲜的现象,

bởi vì đây là hiện tượng tương đối mới,

83

Yǒu hěnduō rén jiēshòu bùliǎo, yǒu hěnduō rén néng jiēshòu.

有很多人接受不了, 有很多人能接受。

những người chấp nhận được, nhiều người thì không.

84

Nà wǒ xīwàng tōngguò jīntiān wǒ gēn Xiǎofēng de zhège tāolùn ne,

那我希望通过今天我跟晓峰的这个讨论呢,

Mình hy vọng thông qua cuộc trò chuyện với của mình và Hiểu Phong ngày hôm nay,

85

dàjiā bùjǐn kěyǐ xué dào gēn zhège huàtí xiāngguān de

大家不仅可以学到跟这个话题相关的

các bạn không những học được

86

yīxiē biǎodá fāngshì hái yǒu wǎngluò liúxíng cí,

一些表达方式还有网络流行词,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

một vài cách biểu đạt cũng nhưng những cụm từ phổ biến trên mạng liên quan đến chủ đề này,

87

shùnbìan hái nénggòu liǎojiě yīxià

顺便还能够了解一下

mà còn có thể hiểu được

88

Zhōngguó dāngxià niánqīngrén duì zhège huàtí de kànfǎ,

中国当下年轻人对这个话题的看法,

cái nhìn của người trẻ Trung Quốc về vấn đề này,

89

jíqí zhège xiànxàng bèihòu de wénhuà hé yuányīn.

及其这个现象背后的文化和原因。

nguyên nhân cũng như văn hóa đằng sau hiện tượng này.

90

Nà xiàmiàn shǒuxiān qǐng Xiǎofēng lái jièshào yīxià

那下面首先请晓峰来介绍一下

Bây giờ mời Hiếu Phong giới thiệu đôi chút

91

nánxìng nǚxìnghuà zhège xiànxàng ba!

男性女性化这个现象吧!

về hiện tượng “nữ tính hóa” nhé!

92

Xíng, wǒ kěyǐ dàgài de gěi dàjiā xiān jièshào yīxià.

行, 我可以大概地给大家先介绍一下。

Được, mình có thể giới thiệu đôi chút.

93

Shǒuxiān ne jiùshì nánxìng nǚxìnghuà tǐxiàn zài liǎng gè fāngmiàn,

首先呢就是男性女性化体现在两个方面,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Đầu tiên, hiện tượng “nữ tính hóa” được thể hiện ở 2 mặt,

94

liǎng zhǒng lèixíng ba, yīnggāi zhèngquè láishuō shì liǎng zhǒng lèixíng.

两种类型吧，应该正确来说是两种类型。

nói chính xác hơn là có 2 loại.

95

Nà dìyī zhǒng lèixíng wǒmen cháng chēngzhīwéi nǚzhuāng dàlǎo,

那第一种类型我们常称之为女装大佬，

Loại đầu tiên được gọi là “đàn ông giả gái”

96

jiùshì zhèzhǒng nánshēng ne huì zhíjiē dǎban chéng nǚháizi de yàngzi,

就是这种男生呢会直接打扮成女孩子的样子，

Có nghĩa là đàn ông trang điểm ăn mặc như con gái

97

tāmen huì jiùshì chuān qúnzi, chuān gāogēnxié, chuān sīwà.

他们会就是穿裙子、穿高跟鞋、穿丝袜，

họ sẽ mặc váy, đi giày cao gót, mặc tất lưới.

98

Ránhòu zài jiàqī de shíhou dǎban chéng nǚháizi de yàngzi shàngjiē,

然后在假期的时候打扮成女孩子的样子上街，

Rồi ăn mặc như vậy đi lên phố vào các dịp nghỉ lễ,

99

nà kěxiǎngérzhī ne zhè jiù huì yǐnqǐ yīxiē máfan,

那可想而知呢这就会引起一些麻烦，

không cần nghĩ tới cũng biết nó sẽ gây ra một số vấn đề,

100

bǐrú shuō qítā de nánháizi kěnéng huì kàndào zhège nǚháizi zhēn piàoliang,

比如说其他的男孩子可能会看到这个女孩子真漂亮，

Ví dụ như những chàng trai khác thấy họ rất xinh,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

101

ránhòu jiù gēn tā dāshàn, shì ba?

然后就跟他搭讪，是吧？

rồi tới bắt chuyện, phải không?

102

Dànshì jiéguǒ yī fāxiàn shì gè nánháizi, ránhòu jiù hěn chījīng,

但是结果一发现是个男孩子，然后就很吃惊，

Nhưng kết quả là phát hiện ra đó là con trai, và sẽ bị sốc,

103

duì, jiù hěn gāngà, duì!

对，就很尴尬，对！

Đúng vậy, sẽ thấy rất ngại!

104

Nà nǐ néng shíbié chūlái zhèzhǒng nǚzhuāng dàlǎo ma

那你能识别出来这种女装大佬吗

Vậy có cách nào để nhận ra được họ không

105

rúguǒ zǒuzài jiēshang dehuà?

如果走在街上的话？

nếu như đi trên phố?

106

Wǒ juéde wǒ shíbié bù chūlái, tāmen dōu hěn zhuānyè.

我觉得我识别不出来，他们都很专业。

Mình nghĩ là mình không phân biệt được, họ rất chuyên nghiệp.

107

Érqiě wǒ fāxiàn nǐ gānggang suǒshuō de nǚzhuāng dàlǎo zài wǎngluò shàng,

而且我发现你刚刚所说的女装大佬在网络上，

Hơn nữa mình để ý là những đàn ông giả gái như bạn vừa nói ở trên mạng,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

108

bǐrú shuō B zhàn shàng yě tǐng duō de,

比如说 B 站上也挺多的,

ở trên các nền tảng như Bilibili

109

háiyǒu dǒuyīn zhèzhǒng píngtái shàngmiàn.

还有抖音这种平台上。

hay Douyin (Tiktok) có rất nhiều.

110

Duì, hěnduō de zhǔbō háiyǒu up zhǔ

对, 很多的主播还有 up 主

Đúng vậy, có rất nhiều chủ phòng livestream, hay là các người đăng tải video (tương tự như Youtuber)

111

tāmen huì dǎban chéng nǚháizi de yàngzi,

他们会打扮成女孩子的样子,

họ sẽ trang điểm ăn mặc như con gái

112

yīnwèi niánqīngrén hěn xǐhuan.

因为年轻人很喜欢。

bởi vì giới trẻ thích điều đó.

113

Wǒ fāxiàn nǐ gānggang shuō le yī gè cí,

我发现你刚刚说了一个词,

Mình để ý có một từ mà bạn vừa mới nói,

114

wǒ hěn cháng yī duàn shíjiān dōu bù lǐjiě shì shénme yìsi,

我很长一段时间都不理解是什么意思,

mà rất lâu rồi mình không hiểu nó có nghĩa là gì,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

115

dànshì hòumian wǒ yě cāi chūlái le, jiùshì up zhǔ.

但是后面我也猜出来了，就是 up 主。

nhưng sau đó mình cũng đoán ra được rồi, đó là từ “up zhu”

116

Up zhǔ shíjìshàng jiùshì zài Zhōngguó yǒu gè jiào bìlǐbǐlǐ de wǎngzhàn,

up 主实际上就是在中国有个叫哔哩哔哩的网站，

Thực tế, ở Trung Quốc có một trang web tên là Bilibili,

117

tā gēn YouTube ne jiùshì hěn xiàng,

它跟 YouTube 呢就是很像，

rất giống với Youtube.

118

ránhòu bìlǐbǐlǐ shàngmiàn de zhèxiē zhǔbō

然后哔哩哔哩上面的这些主播

Những người chủ phòng live

119

huòzhě shì zuò shìpín de zhèxiē zuòzhě jiù huì jiàozuò up zhǔ.

或者是做视频的这些作者就会叫做 up 主。

hoặc những người sáng tạo nội dung sẽ gọi là “up zhu”.

120

Nà wǒ yě suànshì up zhǔ lo?

那我也算是 up 主咯？

Vậy mình cũng được tính là “up zhu” nhỉ?

121

Duì, zámen dōu shǔyú shì up zhǔ, dōu shì yī gè yìsi, duì.

对，咱们都属于是 up 主，都是一个意思，对。

Đúng vậy, bọn mình đều là “up zhu”, có nghĩa như vậy (giống Youtubers).

122

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Nà háiyou yīzhǒng lèixíng ne?

那还有一种类型呢？

Vậy còn loại thứ hai là gì?

123

Lìngyīzhǒng lèixíng ne

另一种类型呢

Loại thứ hai đó là

124

shíjìshàng jiùshì zài shēnghuó zhōng gèng chángjiàn yīxiē,

实际上就是在生活中更常见一些，

kiểu thường gặp hơn trong cuộc sống,

125

zhèxiē nánshēng ne gēn chuántǒng nánshēng bǐ qǐlai,

这些男生呢跟传统男生比起来，

So với đàn ông ông truyền thống, kiểu đàn ông này

126

shíjìshàng chābié jiùshì tāmen kěnéng huì gèng zhùyì dǎban,

实际上差别就是他们可能会更注意打扮，

khác ở chỗ thường chú ý đến ăn mặc hơn,

127

gèng zhùyì zìjǐ de xíngxiàng hé wàimào,

更注意自己的形象和外貌，

chú ý hơn đến hình tượng và ngoại hình,

128

kěnéng huì shǐyòng yīxiē miànmó a hùfūpǐn zhīlèi de,

可能会使用一些面膜啊护肤品之类的，

có thể sẽ dùng các sản phẩm như mặt nạ, skincare, v.v

129

duì, zuò yīxiē bǎoyǎng.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

对，做一些保养。

để duy trì được ngoại hình.

130

Nǐ shuō de zhège yīnggāi zài yúlèquān cúnzài de gèngduō ba?

你说的这个应该在娱乐圈存在的更多吧？

Có phải kiểu này thường hay thấy trong showbiz phải không?

131

Duì, tāmen yībān dōu shì xiǎoxiānròu,

对，他们一般都是小鲜肉，

Đúng vậy, họ là những “tiểu thịt tươi”

132

tāmen huì gěi zìjǐ dǎban de hěn niánqīng hěn kěài zhèyàngzi.

他们会给自己打扮得很年轻很可爱这样子。

họ sẽ trang điểm cho thật trẻ, thật đáng yêu.

133

Jiù xiàng wǒ gānggang gēn nǐ shuō dào de

就像我刚刚跟你说到的

Giống như lúc nãy mình đã nói

134

zhège zhēnrénxiù jiémù shàng de yīxiē nán jiābīn,

这个真人秀节目上的一些男嘉宾，

ở một vài khách mời nam trong các show truyền hình thực tế,

135

wǒ juéde tāmen jiù shǔyú xiǎoxiānròu lèixíng de míngxīng, duì ba?

我觉得他们就属于小鲜肉类型的明星，对吧？

mình cảm giác họ cũng là những “tiểu thịt tươi”, phải không?

136

Shìde, shì zhèyàng de.

是的，是这样的。

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Đúng vậy.

137

Nà shùnbìan zài qǐng nǐ jiěshì yīxià zhège xiǎoxiānròu shì shénme yìsi ba!

那顺便再请你解释一下这个小鲜肉是什么意思吧!

Vậy nhân tiện bạn có thể giải thích một chút nghĩa của từ “tiểu thịt tươi” không?

138

Xiǎoxiānròu jiùshì zhǐ de jiùshì dāngdài de yīxiē xīn de nán míngxīng,

小鲜肉就是指的就是当代的一些新的男明星,

Tiểu thịt tươi chỉ những nam minh tinh thời nay,

139

tāmen bǎ zìjǐ dǎban de hěn kě'ài, hěn niánqīng, jiù báibái jìngjìng de,

他们把自己打扮得很可爱, 很年轻, 就白白净净的,

họ trang điểm ăn mặc rất đáng yêu, rất trẻ trung, da thì trắng.

140

ránhòu yě shòudào yīxiē jiùshì nǚ guānzhòng de xǐhuan,

然后也受到一些就是女观众的喜欢,

Và học được những khán giả nữ yêu thích.

141

nà wǒmen jiù yībān dōu chēngzhīwéi xiǎoxiānròu, duì

那我们就一般都称之为小鲜肉, 对

Và những chàng trai như vậy thường được gọi là “tiểu thịt tươi”.

142

Nà nǐ juéde zài Zhōngguó dàjiā duì zhège nánxìng nǚxìnghuà xiànxàng

那你觉得在中国大家对这个男性女性化现象

Vậy theo bạn người Trung Quốc có thái độ như thế nào

143

dōu chí shénmeyàng de tàidu ne?

都持什么样的态度呢?

với hiện tượng nam giới bị nữ tính hóa này?

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

144

Zhège tàidu qíshí jiù yǒu hěnduō le.

这个态度其实就有很多了。

Có rất nhiều cách nhìn nhận.

145

Wǒ zhèjǐtiān jiù yǒu qù cházhǎo yīxiē zīliào,

我这几天就有去查找一些资料，

Mấy ngày nay mình cũng tìm kiếm một chút

146

ránhòu guānzhù zhège rèdiǎn ma,

然后关注这个热点嘛，

và cũng theo dõi một vài hot search.

147

Ránhòu wǒmen xiān lái kàn yīxià.

然后我们先来看一下。

Chúng ta hãy cùng xem (một số comment trên mạng) nhé!

148

Xiān lái kàn zhèwèi wǎngyǒu de pínglùn,

先来看这位网友的评论，

Đầu tiên hãy cùng xem bình luận của người dùng này.

149

zhè shì yī gè nánshēng de pínglùn. Tā zhèyàng shuō de:

这是一个男生的评论。他这样说的：

Là bình luận của một bạn nam. Anh ta nói thế này:

150

“Xiànzài chūdào de nánhái zǎ dōu méiyǒu yánggāng zhī qì?”

“现在出道的男孩咋都没有阳刚之气？”

“Tại sao bây giờ những chàng trai bước chân vào showbiz lại không có chút nam tính nào vậy?”

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

151

yī gè bǐ yī gè niáng!

一个比一个娘!

Ai cũng trở nên nữ tính!

152

háiyǒu fěnsī, zhēnshi lǐjiě bùliǎo!"

还有粉丝，真是理解不了！”

Lại còn fan của họ nữa, thật chẳng hiểu nổi!”

153

Zhège wǎngyǒu de xīnshēng

这个网友的心声

Quan điểm của người dùng này

154

jiù duì zhèzhǒng xiǎoxiānròu jiù bǐjiào páichì ma, duì

就对这种小鲜肉就比较排斥嘛，对

là thái độ bài trừ đối với kiểu “tiểu thịt tươi”.

155

Tā kěnéng juéde tā zuòwéi yī gè nánháizi, nǐ dǎban de tài jīngzhì,

他可能觉得他作为一个男孩子，你打扮得太精致，

Có thể anh ấy nghĩ rằng con trai mà quá cầu kỳ về ngoại hình,

156

ránhòu xiàng nǚháizi yīyàng jiùshì jiāoqì,

然后像女孩子一样就是娇气，

thì trông cứ ẻo lả như con gái,

157

hěn yǒusǔn nánrén de nàzhǒng zūnyán, wǒ juéde

很有损男人的那种尊严，我觉得

và nó làm mất đi phẩm chất đàn ông.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

158

Duì | Tā kěnéng shì zhèyàng juéde, duì

对 | 他可能是这样觉得, 对

Đúng vậy. | Có lẽ là anh ta nghĩ như vậy.

159

Huì qiányìshí dāngzhōng hái shì huì yǒu nánrén shì nàzhǒng

会潜意识当中还是会有男人是那种

Trong tiềm thức của anh ta, đàn ông

160

bǐjiào gāodà de nàzhǒng yìnxiàng ba.

比较高大的那种印象吧。

mang hình tượng cao to.

161

Nánrén děi yǒu yī gè nánrén de yàngzi,

男人得有一个男人的样子,

Đàn ông phải ra dáng đàn ông,

162

jiù bùyào qù dòng nǚháizi de dōngxi,

就不要去动女孩子的东西,

và không động đến những đồ của con gái,

163

Huàzhuāngpǐn, shénme miànmó zhīlèi de

化妆品, 什么面膜之类的

những thứ như là mỹ phẩm, mặt nạ, v.v.

164

yīnggāi dōu shì nǚháizi shǐyòng de chǎnpǐn.

应该都是女孩子使用的产品。

những thứ mà chỉ con gái nên dùng.

165

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Duì, bùyào nàme jiāoqì, duì

对，不要那么娇气，对

Đúng, đừng có quá ẻo lả, yếu đuối.

166

Ránhòu wǒmen kàn yī xià xià yī tiáo,

然后我们看一下下一条，

Hãy đến với một bình luận tiếp theo.

167

zhè yīnggāi shì gè nǚshēng shuō de, tā shuō:

这应该是个女生说的，她说：

Cái này có lẽ là bình luận của một bạn nữ. Cô ấy nói:

168

“Wǒ zhège rén zéǒu shěnměi bǐjiào chuántǒng,

“我这个人择偶审美比较传统，

“Gu đàn ông của mình khá truyền thống,

169

Wǒ xǐhuān yángguāng bǐjiào yánggāng de lèixíng,

我喜欢阳光比较阳刚的类型，

Mình thích những người nam tính một chút,

170

fǎnzhèng wǒ shì bùhuì xuǎnzé nàzhǒng piàoliang bái nèn de nánháizi.”

反正我是不会选择那种漂亮白嫩的男孩子。”

mình không thích những chàng trai xinh trai trắng trẻo lắm.”

171

Wǒ juéde yǒu yībùfen nǚshēng yīnggāi shì bùhuì xǐhuan zhè yīlèi de,

我觉得有一部分女生应该是不会喜欢这一类的，

Mình nghĩ là sẽ có những cô gái không không thích kiểu con trai này,

172

jiùshì kěnéng gēn wǒmen chuántǒng de zhège duì nánxìng de yìnxàng

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

就是可能跟我们传统的这个对男性的印象
có thể là do nó khác so với hình tượng

173

háishi yǒudiǎn chāyì, duì
还是有点差异，对
đàn ông truyền thống.

174

Wǒ juéde yǒu yībùfen nǚshēng háishi xǐhuan nàzhǒng gāogāo dàdà,
我觉得有一部分女生还是喜欢那种高高大大，
Mình nghĩ một phần con gái vẫn sẽ thích đàn ông cao to

175

ránhòu hěn man de nàzhǒng, shì ba?
然后很 man 的那种，是吧？
và nam tính, đúng chứ?

176

Shìde, jiùshì yīnwèi yǐwǎng de nǚshēng
是的，就是因为以往的女生
Đúng vậy, bởi vì phụ nữ trước đây

177

qíshí dōu xīwàng zhǎodào de lìngyībàn,
其实都希望找到的另一半，
thực ra đều hy vọng tìm được nửa kia

178

zhǎodào zhège nánháizi shì kěyǐ yīkào de.
找到这个男孩子是可以依靠的。
là một người đàn ông có thể dựa dẫm vào.

179

Nà xiànzài de zhèxiē xiǎoxiānròu men huòzhě shì nǚzhuāng dàlǎo men,
那现在的这些小鲜肉们或者是女装大佬们，

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Còn bây giờ những tiểu thít tươi, hay những chàng trai giả gái,

180

tāmen běnshēn dōu bǎ zìjǐ dǎban de xiàng nǚháizi,

他们本身都把自己打扮得像女孩子，

đều trang điểm không khác gì con gái,

181

nà wǒ qù yīkào shéi a?

那我去依靠谁啊？

vậy thì phụ nữ biết dựa dẫm vào ai chứ?

182

Zhè nǚháizi qíshí jiù huì zhèyàng de xiǎngfǎ, duì ba?

这女孩子其实就会这样的想法，对吧？

Con gái sẽ có suy nghĩ như vậy, đúng không?

183

Jiù yǒudiǎn xiàng wǒmen yǐqián fēicháng... shènzhì shì xiànzài

就有点像我们以前非常... 甚至是现在

Giống như chúng ta trước trước đây, thậm chí là cả bây giờ

184

dōu hěn liúxíng de yīzhǒng xiǎoshuō tícái, bàdào zǒngcái ma, shì ba?

都很流行的一种小说题材，霸道总裁嘛，是吧？

đều có một dòng tiểu thuyết phổ biến mang tên “tổng tài bá đạo”, phải không?

Chú thích: “霸道总裁 / Tổng tài bá đạo là một thể loại tiểu thuyết, thường nói về một nam chủ tịch CEO cao ráo, đẹp trai giàu có, và thường yêu một cô gái nghèo, tầm thường, bị bắt nạt. Anh chàng này sẽ lạnh lùng với cả thế giới, nhưng chỉ tốt với mình cô gái. Thường chàng trai sẽ tỏ ra không quan tâm đến cô gái trong khi bản thân rất thích cô.

185

Zhè bù jiùshì wǒmen... jiù mǎnzú le hěnduō shàonǚ

这不就是我们... 就满足了很多少女

Loại tiểu thuyết này sẽ làm hài lòng các cô gái

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

186

duì nányǒu de suǒyǒu huàxiǎng,
对男友的所有幻想,
mơ về một người bạn trai như vậy,

187

duō jīn, yòu gāo yòu shuài, érqiě jiùshì hěn bàqì, nǐ zhīdao ba?
多金, 又高又帅, 而且就是很霸气, 你知道吗?
giàu có, vừa cao ráo vừa đẹp trai, lại còn rất bá đạo, bạn biết đấy?

188

Duì, huì yǒu nàzhǒng chóngbài de gǎnjué, duì ba? | Méicuò!
对, 会有那种崇拜的感觉, 对吧? | 没错!
Đúng vậy, sẽ có cảm giác rất ngưỡng mộ, đúng chứ? | Chuẩn!

189

Ránhòu wǒmen zài lái kàn xià yī tiáo,
然后我们再来看下一条,
Chúng ta tiếp tục đến với bình luận tiếp theo!

190

xià yī tiáo zhège shì yī gè jiāzhǎng de zài wēibó shàng de pínglùn.
下一条这个是一个家长的在微博上的评论。
Đến từ một vị phụ huynh bình luận trên Weibo.

191

Tā shuō: “wàibiǎo bùnnánbùnnǚ,
她说: “外表不男不女,
Cô ấy nói: “Nhìn nam không ra nam, nữ không ra nữ,

192

gěi háizi zàochéng bùliáng de shěnměi háiishi qícì,
给孩子造成不良的审美还是其次,
gây ảnh hưởng xấu đến tiêu chuẩn cái đẹp của con trẻ

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

193

zuìzhǔyào de shì pà háizi jiēchù duō le,

最主要的是怕孩子接触多了,

chủ yếu là sợ con trẻ tiếp xúc quá nhiều

194

xīnlǐ shàng wánquán bù xiàng yī gè nánzǐhàn.”

心理上完全不像一个男子汉。”

về mặt tinh thần sẽ không còn là đàn ông thực thụ nữa.”

195

Qíshí zuòwéi jiāzhǎng, tā qíshí huì hěn dānxīn zìjǐ de háizi,

其实作为家长, 她其实会很担心自己的孩子,

Thực ra với tư cách là cha mẹ, cô ấy rất sợ con cái mình,

196

tèbiéshì nánháizi shòudào zhèzhǒng cháoliú de yǐngxiǎng,

特别是男孩子受到这种潮流的影响,

đặc biệt là con trai sẽ bị ảnh hưởng bởi xu hướng này,

197

yǐhòu yě biànde, jiùshì xiàng zhège jiāzhǎng shuō de

以后也变得, 就是像这个家长说的

rồi sau sẽ trở nên nam không ra nam, nữ không ra nữ

198

jiù kěnéng bùnnánbùnnǚ le, duì

就可能不男不女了, 对

như cô ấy có nói.

199

Wǒ yǐqián shì zài yī gè Yīngyǔ péixùn jīgòu dāng lǎoshī de,

我以前是在一个英语培训机构当老师的,

Trước đây mình đã từng làm trợ giảng cho một trung tâm tiếng Anh,

200

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

ránhòu wǒ dǐxia yǒuyīxiē xuésheng,

然后我底下有一些学生，

sau đó mình có một vài học sinh,

201

tā jiùshì nàzhǒng sān sì niánjí de xuésheng.

他就是那种三四年级的学生。

học lớp 3, lớp 4 gì đó.

202

Ránhòu qízhōng yǒu yī gè... yǒu gè xiǎoháir,

然后其中有一个... 有个小孩儿，

Trong đó có một đứa trẻ,

203

tā jiùshì dàgài dú sì niánjí ba,

他就是大概读四年级吧，

học khoảng lớp 4,

204

wǒmen bānshàng de wàijiào lǎoshī shì yī gè nǚhái,

我们班上的外教老师是一个女孩，

Giáo viên nước ngoài của lớp mình trợ giảng là nữ,

205

dàn qítā bānshàng de wàijiào dōu shì nán de.

但其他班上的外教都是男的。

còn tất cả giáo viên các lớp khác đều là nam.

206

Nàge māma ne, tā jiù zhuānmén pǎo guòlái gēn wǒ shuō,

那个妈妈呢，她就专门跑过来跟我说，

Mẹ thằng bé đến gặp mình và nói,

207

nàge Eileen lǎoshī a,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

那个 Eileen 老师啊,

“Cô Eileen này,

208

nǐ néngbùnéng jiùshì bǎ wǒmen bān de wàijiào lǎoshī huànchéng nán de a?

你能不能就是把我们班的外教老师换成男的啊?

cô có thể đổi giáo viên lớp mình thành giáo viên nam được không?

209

Wǒ shuō wèishénme a?

我说为什么啊?

Mình hỏi tại sao?

210

Tā shuō yīnwèi xuéxiào lǐmiàn de lǎoshī dōu shì nǚhái,

她说因为学校里面的老师都是女孩,

Cô ấy mới nói là vì giáo viên ở trường con trai cô đều là nữ,

211

ránhòu wǒ jiā érzi de bàba ne yòu jīngcháng bù zài jiā,

然后我家儿子的爸爸呢又经常不在家,

bố mẹ thì không thường xuyên ở nhà,

212

shēnbiān dài tā de rén dōu shì nǚxìng,

身边带他的人都是女性,

người xung quanh thằng bé cũng toàn là nữ giới,

213

suǒyǐ tā yǒudiǎn dānxīn tā de érzi

所以她有点担心她的儿子

vì vậy nên cô có hơi lo lắng con trai mình

214

huì biànde jiù yǒudiǎn xiàng xiǎo nǚhái yīyàng de.

会变得就有点像小女孩一样的。

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

sẽ trở nên giống con gái.

215

Dàn tā érzi ba, jiù zhēn de yǒu yīdiǎndiǎn xiàng nǚhái

但她儿子吧，就真的有一点点像女孩

Nhưng con trai cô ấy đã có chút giống con gái rồi

216

jiù nàzhǒng dòngzuò, nǐ zhīdao ba?

就那种动作，你知道吗？

bạn biết không, qua các hành động thẳng bẻ?

217

Háiyǒu yī gè shìjiàn, wǒ bùzhīdao nǐ yǒuméiyǒu tīngshuō guò,

还有一个事件，我不知道你有没有听说过，

Còn có một sự kiện, không biết bạn đã nghe qua chưa,

218

jiùshì kāixué dìyī jì (kè) zhège jiémù nǐ zhīdao ma?

就是开学第一季(课)这个节目你知道吗？

đó là tiết mục trong ngày tựu trường đầu tiên bạn biết không?

219

Yǒudiǎn yìnxiàng, dànshì nǐ kěyǐ gēn wǒ shuō yīxià.

有点印象，但是你可以跟我说一下。

Cũng có chút ấn tượng, nhưng bạn cứ nói tiếp đi.

220

Tā zhège jiémù zhǔyào de shòuzhòng jiùshì zhōng xiǎo xuésheng,

它这个节目主要的受众就是中小學生，

Khán giả chính của tiết mục này là học sinh tiểu học và cấp hai,

221

ér zhège jiémù qǐng lái le yī gè hǎoxiàng jiùshì xiǎoxiānròu zǔhé ba

而这个节目请来了一个好像就是小鲜肉组合吧

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

vậy mà lại mời một nhóm tiểu thịt tươi

222

jiào xīn F4 ba, fǎnzhèng dōu shì zhǎngde nàzhǒng hěn niánqīng de,
叫新 F4 吧, 反正都是长得那种很年轻的,
gọi là F4, đều là những người rất trẻ,

223

jiùshì kànqǐlai xiàng shíqī bā suì de nàzhǒng xiǎo nánhái. | Míngbai
就是看起来像十七八岁的那种小男孩。| 明白
nhìn đều là những chàng trai 17, 18 tuổi. | Hiểu rồi.

224

Yīnwèi zhège shìqíng
因为这个事情
Bởi vì chuyện này

225

hěnduō jiāzhǎng dōu dǎdiànhuà qù tóusù,
很多家长都打电话去投诉,
mà rất phụ huynh gọi điện đến phản nán,

226

bìngqiě zài wǎngluò shàng yǐnqǐ le hěndà de zhēngyì.
并且在网络上引起了很大的争议。
hơn nữa việc này còn gây ra làn sóng tranh luận lớn trên mạng.

227

Shuō nǐ zhège jiémù běnshēn jiùshì gěi qīngshàonián kàn de,
说你这个节目本身就是给青少年看的,
Họ nói rằng: “Buổi biểu diễn là để cho thanh niên xem,

228

dànshì nǐ bǎ zhèxiē nán bù nán nǚ bù nǚ de,
但是你把那些男不男女不女的,
nhưng lại đi mời những người nam không ra nam, nữ không ra nữ,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

229

niáng lǐ niáng qì de míngxīng qǐng shàngtái lái shì yào gànshénme?

娘里娘气的明星请上台来是要干什么？

mời mấy đứa nổi tiếng ẻo lả lên sân khấu để làm gì?

230

Nǐ zhèyàngzi duì wǒ de háiizi huì yǐngxiǎng hěndà,

你这样子对我的孩子会影响很大，

Làm như vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến con cái chúng tôi,

231

huì ràng tāmen gǎo bùqīngchu

会让他们搞不清楚

sẽ làm chúng không nhận thức rõ được

232

zhège zuòwéi yī gè nánháizi yīnggāi shì shénmeyàng de.

这个作为一个男孩子应该是什么样的。

là con trai thì phải ra sao.”

233

Suǒyǐ hěnduō jiāzhǎng yǒu zhè fāngmiàn de dānxīn, duì | Duì...

所以很多家长有这方面的担心，对 | 对...

Vậy nên có rất nhiều phụ huynh lo lắng về điều này. | Đúng vậy

234

Ránhòu wǒmen kàn xià yī tiáo,

然后我们看下一条，

Chúng ta tiếp tục xem bình luận tiếp theo.

235

xiàmiàn zhè yī tiáo kěnéng shì duì yǐngshì jù de

下面这一条可能是对影视剧的

Bình luận này có lẽ đến từ một vị khán giả

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

236

jiùshì zhìliàng yāoqiú bǐjiào gāo de yī gè guānzhòng de liúyán,

就是质量要求比较高的一个观众的留言。

có yào cầu rất cao đối với chất lượng phim ảnh.

237

Tā pínglùn de shì yī gè xiǎoxiānròu míngxīng, tā shì zhèyàng shuō de:

他评论的是一个鲜肉明星，他是这样说的：

Anh ta bình luận về một minh tinh nam “tiểu thịt tươi”, anh ta nói thế này:

238

“Tā de nǎocánfěn guǎn zhè jiào shuài?”

“他的脑残粉管这叫帅？”

“Bọn fan nào tàn gọi đây là đẹp trai à?!”

239

Ěxīn de wǒ bùxíng, bùdébù lái tǔcáo,

恶心得我不行，不得不来吐槽，

Làm tôi buồn nôn đến mức không thể không chửi!,

240

yàobùrán huì biēsǐ wǒ,

要不然会憋死我，

nếu không sẽ tức chết mất,

241

biéde bù shuō, zhè zhè zhè... shéi néng kàn chūlái shì nán de!”

别的不说，这这这... 谁能看出来是男的！”

Cái khác tôi không nói, còn cái này... thì ai mà nhìn ra được đây là đàn ông?!”

242

Shuō de shéi ya?

说的谁呀？

Anh ta nói về ai vậy?

243

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Shuō de shì Lù Hán,

说的是鹿晗，

Nói về Luhan

244

duì, tā yě shì yī gè xiǎoxiānròu de míngxīng.

对，他也是一个小鲜肉的明星。

cậu ấy cũng là một “tiểu thịt tươi” nổi tiếng.

245

O, Lù Hán ya! Shuō zhēn de wǒ yě juéde tā tǐng xiàng nǚhái de,

哦，鹿晗呀！说真的我也觉得他挺像女孩的，

À, Luhan! Nói thật ra thì mình cũng cảm thấy cậu ấy khá giống con gái,

246

jiùshì wǒ gāng gēn nǐ jiǎng de nàge jiémù Chuàngzàoyíng,

就是我刚跟你讲的那个节目创造营，

Không phải là cậu ấy cũng là ban giám khảo trong show Creative Camp

247

tā bù shì zài lǐmiàn dāng píngwěi ma? | Duì

他不是在里面当评委吗？ | 对

mà mình mới nói với bạn sao? | Đúng vậy.

248

Tā zài lǐmiàn de nàge chuānzhuó zhēn de hǎo xiàng nǚhái!

他在里面的那个穿着真的好像女孩！

Cách ăn mặc của cậu ấy trong show này thực sự rất giống con gái!

249

Tā shì xiǎoxiānròu zhōng de xiǎoxiānròu,

他是小鲜肉中的小鲜肉，

Cậu ấy thậm chí còn hơn cả những

250

bĩ qítā xiǎoxiānròu hái yào xiǎoxiānròu, duì ba?

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

比其他小鲜肉还要小鲜肉，对吧？

tiểu thịt tươi khác, đúng không?

251

Wǒ hěn hàoqí tā duōdà le ya, tā gāi bùhuì shì shíqī bā suì ba?

我很好奇他多大了呀，他该不会是十七八岁吧？

Mình tò mò không biết cậu ấy bao nhiêu tuổi rồi nhỉ, chắc không phải 17, 18 tuổi chứ nhỉ?

252

Yīnggāi bǐ nà yào dà ba, tā shíjìshàng jiùshì bǎoyǎng de bǐjiào hǎo,

应该比那要大吧，他实际上就是保养得比较好，

Có lẽ là hơn thế, chỉ là cậu ta bảo vệ sắc đẹp tốt,

Chú thích: Luhan 30 tuổi

253

kěnéng bǐ yīxiē nǚshēng bǎoyǎng de dōu yào hǎo.

可能比一些女生保养得都要好。

Có thể nói là giữ gìn nhan sắc còn tốt hơn cả một số bạn nữ.

254

Tā shìbùshì cóng Hánguó nàbian guòlái de?

他是不是从韩国那边过来的？

Có phải cậu ấy đến từ Hàn Quốc không?

255

Duì, tā shì cóng Hánguó nàbian huílai de,

对，他是从韩国那边回来的，

Đúng vậy, cậu ấy đến từ Hàn Quốc,

256

tā zhīqián zài yī gè zǔhé zhīzhōng, duì

他之前在一个组合之中，对

trước đây từng là thành viên của một nhóm (K-pop)

257

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Zhīdao le, nǐ jìxù.

知道了，你继续。

Mình hiểu rồi, bạn nói tiếp đi.

258

Ránhòu qíshí zhè tiáo pínglùn wǒ yě yǒu gòngmíng, yīnwèi shénme ne?

然后其实这条评论我也有共鸣，因为什么呢？

Thực sự thì mình đồng tình với bình luận này, bởi vì sao?

259

Yīnwèi wǒ píngshí yě shì bǐjiào xǐhuan kàn yǐng shì jù a,

因为我平时也是比较喜欢看影视剧啊，

Bởi vì bình thường mình cũng khá thích xem các show và phim ảnh trên TV.

260

jiùshìshuō xiànzài wǒmen de zhège míngxīng yīnwèi tài àiměi le,

就是说现在我们的这个明星因为太爱美了，

Nhưng ngày nay những người nổi tiếng rất yêu cái đẹp,

261

tài zhùzhòng zìjǐ de xíngxiàng le,

太注重自己的形象了，

họ quá chú trọng hình tượng của bản thân,

262

kěnéng jiù bǎ yǎnjì gěi diūdiào le, duì

可能就把演技给丢掉了，对

nên làm lu mờ đi các kỹ năng diễn xuất.

263

Zhè duì wǒmen de jiùshì yīxiē duì yǐngshì jù de zhìliàng

这对我们的就是一些对影视剧的质量

Nó sẽ khiến cho những khán giả có yêu cầu cao với

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

264

yǒu yāoqiú de guānzhòng lái shuō,

有要求的观众来说，

chất lượng của phim ảnh,

265

kěnéng jiùshì yīzhǒng mónàn le.

可能就是一种磨难了。

sẽ cảm thấy khó chịu.

266

Wǒ xiǎngqǐ le jiùshì guónèi de yī gè zhùmíng de biānjù ma,

我想起了就是国内的一个著名的编剧嘛，

Điều này khiến mình nhớ tới một biên kịch nổi tiếng nước mình

267

Wāng hǎilín, jiùshì Wāng hǎilín

汪海林，就是汪海林

đó là Vương Hải Lâm

268

Tā yě shì kào zhe jiùshìshuō pēngjī zhèxiē xiǎoxiānròu cái chū de míng.

他也是靠着就是说抨击这些小鲜肉才出的名。

Ông ấy trở nên nổi tiếng do chỉ trích những “tiểu thịt tươi”.

269

Ránhòu tā běnshēn yīnwèi tā shì gè biānjù,

然后他本身因为他是个编剧，

Bởi vì bản thân là một biên kịch,

270

tā jiù huì duì yǐngshì jù zhèxiē tí cái de

他就会对影视剧这些题材的

nên ông ấy rất nhạy cảm với vấn đề

271

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

jiùshì zhège shāngyè jiàzhí jiù huì hěn mǐngǎn.

就是这个商业价值就会很敏感。

giá trị thương mại của show và phim ảnh.

272

Yīnwèi dāngxià ne, jiùshì hěnduō de lǎobǎn huòzhě tóuzī shāng

因为当下呢，就是很多的老板或者投资商

Bởi vì hiện nay, có rất nhiều ông chủ hoặc các nhà đầu tư

273

zài tóuzī yī bù yǐng shì jù de shíhou,

在投资一部影视剧的时候，

khi đầu tư vào một show hay một bộ phim,

274

doū huì kàn zhè bù jù lǐmiàn yǒuméiyǒu xiǎoxiānròu,

都会看这部剧里面有没有小鲜肉，

sẽ xem trong bộ phim đó có “tiểu thịt tươi” hay,

275

shǒuxiān yào kàn yǒuméiyǒu liúliàng míngxīng.

首先要看有没有流量明星。

có người nổi tiếng nào hay không.

276

Ránhòu ne jiùshì zhège Wāng Hǎilín jiù kàndào shénmeyàng de xiànxàng ne,

然后呢就是这个汪海林就看到什么样的现象呢，

Và Vương Hải Lâm phát hiện một điều rằng,

277

jiùshì zhèxiē tóuzī shāng gēnběn bùzàiyì zhège diànyǐng de jùběn hǎobuǎo,

就是这些投资商根本不在意这个电影的剧本好不好，

các nhà đầu tư vào dự án phim ảnh căn bản không quan tâm kịch bản có hay hay không

278

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

zhège chuàngzuò tuánduì dàodǐ yǒuméiyǒu nénglì,

这个创作团队到底有没有能力，

đội ngũ sản xuất có năng lực hay không,

279

ér zhǐ kàn zhège jùzǔ lǐmiàn yǒuméiyǒu nàxiē xiǎoxiānròu men.

而只看这个剧组里面有没有那些小鲜肉们。

mà chỉ quan tâm trong đó có “tiểu thịt tươi” hay không.

280

Nénggòu gěi tā de tóuzī dàilái huí bào, shì ba?

能够给他的投资带来回报，是吧？

Xem có mang lại gì cho họ không, đúng chứ?

281

Duì, zhèyàng dehuà jiù shǐ yǐngshì quān wūyānzàngqì ba, fēnwéi hěn bùhǎo.

对，这样的话就使影视圈乌烟瘴气吧，氛围很不好。

Đúng vậy, điều này khiến cho ngành giải trí trở nên hỗn tạp.

282

Ránhòu Wāng Hǎilín jiù tā de zuǐ yě shì hěn jiānsuānkèbó,

然后汪海林就他的嘴也是很尖酸刻薄，

Vương Hải Lâm cũng nói một cách phũ phàng,

283

tā jiù huì pīpíng, tèbiéshì xǐhuan mà Lù Hán zhège xiǎoxiānròu.

他就会批评，特别是喜欢骂鹿晗这个小鲜肉。

ông ấy phê bình, đặc biệt là thích chửi tiểu thịt tươi Luhan.

284

Tā shuō zhèxiē yúlèquān zhèxiē xiǎoxiānròu men

他说这些娱乐圈这些小鲜肉们

Ông ấy nói những tiểu thịt tươi trong ngành giải trí

285

gēn zuòyā méiyǒu qūbié.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

跟做鸭没有区别。

không khác gì làm trai mại dâm.

286

Tā hǎo gǎn shuō o!

他好敢说哦!

Ôi ông ấy thật dũng cảm!

287

Duì, tā jiù yìsi zhèxiē xiǎoxiānròu shì kào liǎn a,

对，他就意思这些小鲜肉是靠脸啊，

Ông ấy nói rằng những tiểu thịt tươi này chỉ biết dựa vào khuôn mặt,

288

kào niánqīng lái tǎo nǚxìng guānzhòng de xǐhuan,

靠年轻来讨女性观众的喜欢，

dựa vào sự trẻ trung để có được sự yêu thích từ khán giả nữ,

289

jiù gēn zuòyā yīyàng ma.

就跟做鸭一样嘛。

thì khác gì trai mại dâm.

290

Tiānna, wā!

天哪，哇！

Trời đất ơi!

291

Jiùshì Lù Hán de fěnsī bùhuì qù gōngjī Wāng Hǎilín ma?

就是鹿晗的粉丝不会去攻击汪海林吗？

Fan của Luhan không công kích ông ấy sao?

292

Huì gōngjī de, dànshì zhège rén de zhàndòulì bǐjiào qiáng,

会攻击的，但是这个人的战斗力比较强，

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Có, nhưng ông Vương cũng rất kịch liệt,

293

tā huì gēn zhèxiē fěnsī qù duì zhe, duì zhe mà

他会跟这些粉丝去对着，对着骂

Chửi nhau trực tiếp với những fan hâm mộ này

294

Hù duì | Duì, hù duì

互怼 | 对，互怼

Cà khịa lẫn nhau | Đúng vậy.

295

Wǒ juéde zhège duì zhège zì yě shì... qíshí yě shì zhège wǎngluò liúxíng cí,

我觉得这个怼这个字也是... 其实也是这个网络流行词，

Mình nghĩ từ “duì” cũng là một từ lóng trên mạng,

296

wǒ juéde tǐng yǒuyìsi de.

我觉得挺有意思的。

khá là thú vị.

297

Nǐ néng jiěshì yīxià zhège duì zhège yìsi ma?

你能解释一下这个怼这个意思吗？

Bạn có thể giải thích nghĩa của nó một chút không?

298

Duì jiùshì gōngjī a, hù duì jiù hùxiāng gōngjī.

怼就是攻击啊，互怼就互相攻击。

“Duì” có nghĩa là công kích (bằng lời nói, cà khịa), và “hù duì” có nghĩa là cà khịa lẫn nhau.

299

Ránhòu ne gāngcái wǒ shuō de zhè jǐge pínglùn ne,

然后呢刚才我说的这几个评论呢，

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Những bình luận mà mình vừa đọc

300

tāmen jì bāokuò le jiùshì yīxiē nánxìng de kànfǎ,

它们既包括了就是一些男性的看法，

bao gòu nhữnq quan điếm từ nam giới,

301

yě bāokuò le yīxiē nǚxìng de kànfǎ, háiyou jiùshì jiāzhǎng,

也包括了一些女性的看法，还有就是家长，

nǚ giới, bậc cha mẹ,

302

háiyou yīxiē jiùshì yǐngshì jiè nèi de dàlǎo,

还有一些就是影视界内的大佬，

ngoài ra còn có bình luận từ một nhân vật lớn trong giới điện ảnh,

303

huòzhě shì duì yǐngshì jù yǒu yāoqiú de guānzhòng.

或者是对影视剧有要求的观众。

hay là nhữnq bình luận từ khán giả có yêu cầu cao với phim ảnh.

304

Nà tāmen zhèxiē rén ne qíshí duì zhèzhǒng xiànxàng yǒu páichì de.

那他们这些人呢其实对这种现象有排斥的。

Họ đều bài trừ hiện tượng này.

305

Wǒ xiǎng chā yījù, jiùshì wǒ hūrán jiān xiǎngdào le yī jiàn shì. | Hǎo de

我想插一句，就是我忽然间想到了一件事。| 好的

Mình muốn ngắt lời một chút, đó là mình đột nhiên nhớ ra một chuyện. | Được.

306

Qián liǎngtiān wǒ zài B zhàn lǐmiàn yě yǒu kàndào yī gè shìpín,

前两天我在 B 站里面也有看到一个视频，

Hai ngày trước mình có xem được một video trên Bilibili,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

307

yī gè xiǎo shìpín.

一个小视频。

một video ngắn.

308

Jiùshì hěnduō lǎo xìgǔ men, bǐrú shuō Chénglóng a háiyou Sòng Dāndān

就是很多老戏骨们，比如说成龙啊还有宋丹丹

Nhiều diễn viên kì cựu như Thành Long, Tống Đan Đan

309

zhè yīlèi de bǐjiào yǒu... yǎnjì pài de yǎnyuán men, lǎo yǎnyuán men

这一类的比较有... 演技派的演员们，老演员们

những người có tài năng diễn xuất

310

tāmen jiù pīpàn zhège yúlèquān de xiǎoxiānròu xiànxàng,

他们就批判这个娱乐圈的小鲜肉现象，

Họ chỉ trích hiện tượng tiểu thịt tươi trong giới giải trí,

311

bǐrú shuō nàge Chénglóng tā jiù shuō

比如说那个成龙他就说

Ví dụ như diễn viên Thành Long có nói

312

zhèxiē liúliàng míngxīng jiùshì zhàng zhe tāmen fěnsī duō,

这些流量明星就是仗着他们粉丝多，

những người nổi tiếng này chỉ dựa vào lượng fan đông đảo,

313

piàn chóu jiù gěi de hěn gāo.

片酬就给得很高。

nên tiền thù lao đóng phim sẽ rất cao.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

314

Érqiě bǐrú shuō pāi dǎ xì de shíhòu,
而且比如说拍打戏的时候,
Hơn nữa khi quay các cảnh đánh đấm,

315

zhège tìshēn kuāng kuāng kuāng zài nà dǎ wán le,
这个替身哐哐哐在那打完了,
sẽ có người đóng thay họ,

316

ránhòu xiǎoxiānròu men ne jiù guòlái hā...
然后小鲜肉们呢就过来哈...
rồi sau đó tiểu thịt tươi chỉ việc vào và nói: “Ha...”

317

zuò yí gè dòngzuò jiù méishì le, ránhòu jiù ná zhe hěn gāo de piàn chóu.
做一个动作就没事了, 然后就拿着很高的片酬。
làm thêm một động tác, và thế là được trả thù lao rất cao.

318

Suǒyǐ qíshí jiù huì yǒuyīxiē bǐjiào zhòngshì yǎnjì,
所以其实就会有一些比较重视演技,
Vì vậy nên những người mà đề cao diễn xuất,

319

zhòngshì zhège hòumiàn de yìshù jiàzhí de rén
重视这个后面的艺术价值的人
đề cao nghệ thuật diễn xuất phía sau,

320

huì juéde zhège xiànxàng qíshí shì zàochéng le
会觉得这个现象其实是造成了
sẽ cảm thấy hiện tượng này tạo nên

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

321

zhěnggè hángyè dōu duì yǎnjì bùzàihu,
整个行业都对演技不在乎,
sự phớt lờ khả năng diễn xuất,

322

dōu bùzhòngshì yìshùjiā men de chuàngzuò,
都不重视艺术家们的创作,
không tôn trọng đến sự sáng tạo của nghệ sĩ,

323

ér zhǐ zhòngshì tāmen shìfǒu nénggòu
而只重视他们是否能够
mà chỉ quan tâm đến việc họ có thể

324

gěi zhège tóuzī shāng dài huílai zuìdà de huíbào.
给这个投资商带回来最大的回报。
đem lại lợi nhuận cho nhà đầu tư hay không.

325

Duì, jiù huì zàochéng hěnduō gēnfēng de xiànxàng.
对, 就会造成很多跟风的现象。
Đúng vậy, nó sẽ tạo ra ra nhiều hiện tượng trào lưu.

326

Yīnwèi yǒuxiē yǐngshì jù kěnéng lǐmiàn de xiǎoxiānròu bǐjiào shòuhuānyíng,
因为有些影视剧可能里面的小鲜肉比较受欢迎,
Bởi vì có một vài phim ảnh hoặc show có tiểu thịt tươi rất được đón nhận,

327

ránhòu zhège yǐngshì tícái yě tèbié de huǒ,
然后这个影视题材也特别的火,
đề tài của phim cũng rất hot,

328

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

ránhòu qítā de tóuzī shāng doū qù gēnfēng qù mófǎng.

然后其他的投资商都去跟风去模仿。

thế là những nhà đầu tư khác tiếp tục bắt chước để chạy theo xu hướng.

329

Jiùshì gāngcái wǒmen kàndào Wāng Hǎilín

就是刚才我们看到汪海林

Như Vương Hải Lâm chúng ta mới thấy

330

tā duì zhège xiǎoxiānròu yǒu zhèzhǒng pīpàn ma,

他对这个小鲜肉有这种批判嘛，

đã chỉ trích những tiểu thịt tươi.

331

dànshì wǒ yě juéde zhège qíshí bù shì xiǎoxiānròu zàochéng de,

但是我也觉得这个其实不是小鲜肉造成的，

Nhưng mình nghĩ hiện tượng này cũng không phải do tiểu thịt tươi gây ra,

332

yīnwèi zài yǐngshì quān

因为在影视圈

bởi vì trong nền công nghiệp điện ảnh,

333

qítā de tícái qíshí yě yǒu gēnfēng de xiànxàng.

其它的题材其实也有跟风的现象。

việc bắt chước đề tài phim theo xu hướng đã từng xảy ra.

334

Bǐrú shuō yīxiē dàomù jù a, yīxiē xuányí jù a,

比如说一些盗墓剧啊，一些悬疑剧啊，

Ví dụ như phim đào mộ, hay phim trinh thám,

335

jiùshì yīdàn yī gè lèixíng huǒ le zhīhòu, ránhòu qítā tóuzī shāng

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

就是一旦一个类型火了之后，然后其它投资商

Nghĩa là khi có một bộ phim nào nổi, các nhà đầu tư khác

336

dōu gēnfēng qù duì zhèzhǒng chuàngzuò jìn xíng tóu zī.

都跟风去对这种创作进行投资。

sẽ chạy theo xu hướng để đầu tư vào các dự án phim như vậy.

337

Shíjìshàng wǒ juéde shì gēnfēng zàochéng zhèyàng,

实际上我觉得是跟风造成这样，

Thực tế, mình cảm thấy vấn đề bắt chước nhau

338

dào bù shì shuō xiǎoxiānròu zěnmeyàng,

倒不是说小鲜肉怎么样，

không phải lỗi do tiểu thịt tươi.

339

wǒ juéde Lù Hán tǐng yuānwang de, duì

我觉得鹿晗挺冤枉的，对

Mình nghĩ Luhan cũng bị oan.

340

Wǒ yě juéde tā hǎo cǎn o, jiù bèi hǎoduō rén qù gōngjī.

我也觉得他好惨哦，就被好多人去攻击。

Mình nghĩ cậu ấy khá tội, bị quá nhiều người công kích.

341

Érqiě nǐ shuō nàgē gēnfēng xiànxàng

而且你说那个跟风现象

Hơn nữa thì hiện tượng bắt chước nhau để nổi

342

bù jǐnjǐn shì cúnzài yú yǐngshì jù.

不仅仅是存在于影视剧。

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

không phải chỉ tồn tại ở mỗi lĩnh vực phim ảnh và show.

343

Qíshí guónèi zuìjìnjǐnián zhège up zhǔ yě shì màn màn de xīngqǐ le,

其实国内最近几年这个 up 主也是慢慢地兴起了，

Thực ra trong những năm gần đây, những người sáng tạo video đang dần nổi lên,

344

nǐ xiàng qián liǎng nián Papi jiàng bù shì tǐng chū míng de ma?

你像前两年 Papi 酱不是挺出名的吗？

Ví dụ như Papi Jiang không phải rất nổi tiếng vài năm trước sao?

345

jiù tā nàzhǒng yǐ yōumò fěngcì de xíngshì

就她那种以幽默讽刺的形式

Đó là cô ấy đã phản nản về những điều mình không thích

346

lái tùcáo yīxiē tā bù xǐhuan de shìqíng.

来吐槽一些她不喜欢的事情。

một cách hài hước và châm biếm.

347

Ránhòu nǐ jiù huì fāxiàn yǒu hěnduō gēn Papi jiàng hěn xiàng de rén,

然后你就会发现有很多跟 Papi 酱很像的人，

Sau đó bạn sẽ thấy có rất nhiều người làm giống như Papi,

348

nàzhǒng wǎngzhōng jiù chū lái zuò shìpín, zuò tóngyàng lèixíng de shìpín.

那种网红就出来做视频，做同样类型的视频。

những người nổi tiếng bắt đầu làm video với thể loại giống cô ấy.

349

Qíshí zhège yě shì zài wǎngluò jiè yě yǒu yī gè gēnfēng de xiànxiàng.

其实这个也是在网络界也有一个跟风的现象。

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Thực ra trên mạng cũng có hiện tượng bắt chước theo xu hướng.

350

Duì, zhè shì wǒmen xūyào fǎnsī de yī jiàn shìqíng.

对，这是我们需要反思的一件事情。

Đúng vậy, đó là điều mà chúng ta cần phải suy ngẫm.

351

Ránhòu gāngcái wǒmen kàn wán le...

然后刚才我们看完了...

Vừa rồi chúng ta cũng đã xem xong...

352

wǒmen tīngdào le yīxiē fǎnduì de shēngyīn.

我们听到了一些反对的声音。

chúng ta cũng đã lắng nghe những quan điểm phản đối.

353

Jiēxiàlái wǒmen kàn yīxià yīxiē zhīchí de shēngyīn. | Hảo

接下来我们看一下一些支持的声音。| 好

Tiếp theo đây hãy cùng xem một số ý kiến đồng tình nhé. | OK

354

Wǒmen lái kàn yīxià zhège wǎngyǒu shuō de,

我们来看一下这个网友说的，

Chúng ta hãy cùng xem người dùng này bình luận,

355

“Qíshí bù yīnggāi yǒu xìngbié juésè biāozhǔn zhèzhǒng dōngxi a,

“其实不应该有性别角色标准这种东西啊，

“Thực ra không nên có cái gọi là tiêu chuẩn vai trò của giới tính,

356

dōu yǐjīng shì shénme niándài le?

都已经是什么年代了？

đã ở thời đại nào rồi?

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

357

xiànzài hái dào chù tīng dào rén shuō mǒu mǒu tài niáng le,
现在还到处听到人说某某太娘了,
Bây giờ vẫn còn nghe thấy người nói ai đó nữ tính quá,

358

méi yǒu yī diǎn yáng gāng zhī qì!
没有一点阳刚之气!
không có tí nam tính nào!

359

Nán dào nán hái zǐ jiù yī dìng yào zhè yàng cái xíng ma?
难道男孩子就一定要这样才行吗?
Chẳng lẽ phải như vậy mới là đàn ông à?

360

Xiànzài nǚ hán zǐ dōu bèi dà jiā jiē shòu le,
现在女汉子都被大家接受了,
Phụ nữ nam tính ngày nay đã được mọi người chấp nhận rồi,

361

wēn róu yòu měi lì de nán hái zǐ shén meshí hóu kě yǐ bèi dà zhòng jiē shòu ne?"
温柔又美丽的男孩子什么时候可以被大众接受呢?"
vậy khi nào thì đàn ông dịu dàng xinh đẹp mới được mọi người chấp nhận đây?"

362

Nǐ kàn zhè ge wǎng yǒu jiù hěn... duì zhè xiē xiǎo xiān ròu
你看这个网友就很... 对这些小鲜肉
Bạn thấy không? Người dùng này đang cố gắng bảo vệ

363

huò zhě shì zhè xiē nán hái zǐ,
或者是这些男孩子,
tiểu thịt tươi

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

364

jīngzhì de nánháizi bào bù píng a.

精致的男孩子抱不平啊。

và những người đàn ông này.

365

Tā yǒu yīdiǎn shuō duì le,

他有一点说对了，

Cậu ấy cũng nói đúng một điều,

366

wǒ fāxiàn zhège dàzhòng duì nǚxìng nánxìng huà jiēshòu dù bǐjiào gāo,

我发现这个大众对女性男性化接受度比较高，

đó là mọi người dễ chấp nhận nữ giới nam tính hóa hơn,

367

jiùshì yī gè nǚhànzi,

就是一个女汉子，

Nghĩa là nếu một cô gái nam tính,

368

hǎoxiàng dàjiā méiyǒu tài duō de qù tāolùn zhè jiàn shìqíng.

好像大家没有太多地去讨论这件事情。

thì người ta sẽ không có gì nhiều để đi thảo luận.

369

Dànshì rúguǒ yī gè nánháizi biànde xiàng nǚháizi

但是如果一个男孩子变得像女孩子

Nhưng nếu như một người con trai mà giống con gái

370

hǎoxiàng jiùshì yī jiàn hěn bùhǎo de shìqíng.

好像就是一件很不好的事情。

thì dường như đó là một việc không hay.

371

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Duì, kěnéng kàn nǚháizi biàncéng nánháizi,
对, 可能看女孩子变成男孩子,
Đúng vậy, nếu từ con gái mà trở thành con trai

372

dàjiā kěnéng shuō shì yǒudiǎn guāngróng de shìqíng,
大家可能说是有点光荣的事情,
thì mọi người thậm sẽ coi nói như một điều gì đó đáng trân trọng.

373

shènzhì yǒuxiē jiāzhǎng
甚至有些家长
Thậm chí một vài cha mẹ

374

jiù yǒurén kěnéng huì shuō wǒ shì nǚhànzi,
就有人可能会说我是女汉子,
Có người còn nói rằng tôi là một người phụ nữ mạnh mẽ

375

wǒ yě juéde tǐng guāngróng de, jiù juéde wǒ yǒu lìqì,
我也觉得挺光荣的, 就觉得我有力气,
Tôi cũng cảm thấy điều đó thật vinh dự, cảm thấy bản thân thật mạnh mẽ,

376

wǒ bù shì nàzhǒng jiāoruò de,
我不是那种娇弱的,
và tôi không phải kiểu con gái yếu đuối,

377

jiān bùnéng káng shǒu bùnéng tí de nǚháizi,
肩不能扛手不能提的女孩子,
không bê vác được cái gì,

378

wǒ yě juéde tǐng guāngróng de.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

我也觉得挺光荣的。

tôi cảm thấy khá ngầu.

379

Dànshì rúguǒ nǚ shuō yī gè nánhái kěndìng bùhuì chéngrèn zìjǐ,

但是如果说一个男孩肯定不会承认自己,

Tuy nhiên nếu là một người con trai sẽ không dám thừa nhận bản thân

380

wǒ shì niángniangqiāng shì ba?

我是娘娘腔是吧?

là một đứa bánh bèo, phải không?

381

Duì, shì zhèyàng, shì zhèyàngzi de

对, 是这样, 是这样子的

Đúng là như vậy.

382

Ránhòu wǒmen kàn xià yī tiáo, zhèwèi wǎngyǒu shì zhèyàng shuō de:

然后我们看下一条, 这位网友是这样说的:

Hãy xem bình luận tiếp theo, người dùng này nói:

383

“Qíshí wǒ yě yīzhí tèbié tǎoyàn shuō

“其实我也一直特别讨厌说

“Thực ra tôi rất ghét những người hỏi

384

wèishénme dà lǎoyé men huòzhě yī gè nánháizi hěn méiyǒu yánggāng zhī qì,

为什么大老爷们或者一个男孩子很没有阳刚之气,

tại sao một người con trai hay đàn ông lại không có chút nam tính nào,

385

nǚ zhèyàng gēn yāoqiú yī gè nǚháizi yīdìngyào yīnróu wēnwǎn

你这样跟要求一个女孩子一定要阴柔温婉

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Yêu cầu như vậy chẳng khác gì yêu cầu một cô gái

386

yǒu sházi qūbié?

有啥子区别?

phải dịu dàng thực nữ?

387

Wèishénme bùnéng měigerén dōu yǒu zìjǐ de yàngzi ne?"

为什么不能每个人都有自己的样子呢?"

Tại sao không thể là chính mình?"

388

Zhèwèi wǎngyǒu jiù shuō wǒmen měigerén dōu yào huó chū zìjǐ de yàngzi,

这位网友就说我们每个人都要活出自己的样子,

Người dùng này muốn nói mỗi người chúng ta đều nên là chính mình,

389

wúlùn shuō wǒ shì yī gè nánháizi, wǒ dǎban de bǐjiào jiāoqì,

无论说我是一个男孩子, 我打扮得比较娇气,

kể cả là khi tôi là con trai và tôi trang điểm cầu kì

390

háishi wǒ shì yī gè nǚháizi, wǒ bǐjiào qiáng hàn,

还是我是一个女孩子, 我比较强悍,

hay khi tôi là con gái, và tôi nam tính mạnh mẽ,

391

qíshí dōu méiyǒushénme guòcuò.

其实都没有什么过错。

thực ra đều không có gì sai cả.

392

Zhè wèi wǎngyǒu de yìsi shì zhèyàng de.

这位网友的意思是这样的。

Đó là ý mà người dùng này muốn nói.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

393

Wǒ juéde tā yào shuō de zhè yīdiǎn wǒ juéde shì hǎo de,
我觉得他要说的这一点我觉得是好的,
Mình nghĩ điểm này anh ấy đưa ra là tốt,

394

jiùshì rúguǒ shuō yī gè nánshēng tā zhēn de jiùshì yǒudiǎn nǚxìng huà,
就是说如果一个男生他真的就是有点女性化,
Nếu một người con trai thực sự bị nữ tính hóa,

395

nà tā kěyǐ zuò zìjǐ.
那他可以做自己。
thì anh ấy nên là chính mình.

396

Dànshì wǒ juéde hěnduō rén zài fǎnduì zhège xiànxàng de shíhòu,
但是我觉得很多人在反对这个现象的时候,
Tuy nhiên, mình cho rằng nhiều người phản đối hiện tượng này,

397

gèngduō de shì shuō rúguǒ nǐ zhǐshì yīwèi de
更多的是说如果你只是一味地
thực ra là họ phản đối những người

398

wèile qǔyuè guānzhòng ér qù gǎizào de zìjǐ,
为了取悦观众而去改造的自己,
thay đổi bản thân chỉ để làm thỏa mãn khán giả,

399

ér nǐzìjǐ bìngbù shì zhèyàng de xìnggé,
而你自己并不是这样的性格,
chứ bản thân thực chất không có tính cách như vậy.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

400

wèile qù dédào fěnsī jiāng zìjǐ dǎban chéng nǚháizi,

为了去得到粉丝将自己打扮成女孩子,

Họ mặc cho giống con gái chỉ để thu hút fans.

401

wǒ juéde zhège shì dàjiā suǒ dǐzhì de.

我觉得这个是大家所抵制的。

Mình nghĩ đó mới là điều mà mọi người thực sự phản đối.

402

Duì, zhège shì dàjiā suǒ dǐzhì de yī gè diǎn.

对, 这个是大家所抵制的一个点。

Đúng vậy, đó là điều mọi người phản đối.

403

Ránhòu ne qíshí wǒmen gāngcái shàngmian zhè liǎng gè wǎngyǒu,

然后呢其实我们刚才上面这两个网友,

Bình luận của hai người dùng mà chúng ta vừa nhắc tới,

404

qíshí tāmen de guānniàn jiùshì bǐjiào zìyóu,

其实他们的观念就是比较自由,

thực ra quan điểm của họ rất phóng khoáng,

405

yīnwèi dōu yǐjīng dào le wǒmen de zhège shídài,

因为都已经到了我们的这个时代,

bởi vì ở thời đại này

406

duì nánxìng hé nǚxìng de dìngyì méiyǒu nàme sǐbǎn.

对男性和女性的定义没有那么死板。

định nghĩa về nam giới và nữ giới cũng ít cứng nhắc hơn.

407

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Ránhòu wǒmen kàn xiàmian zhèwèi wǎngyǒu,

然后我们看下面这位网友,

Chúng ta hãy cùng xem ý kiến của người dùng tiếp theo.

408

“Wǒ yě xiǎng zhǎo gè nǚzhuāng dàlǎo nán péngyou a!

“我也想找个女装大佬男朋友啊!

“Tôi cũng muốn tìm một người bạn trai giả gái đây!

409

Nǚxìng huà gèng yǒu qīnjìn gǎn, gǎnjué huì wēnróu yīdiǎn,

女性化更有亲近感, 感觉会温柔一点,

Con trai nữ tính cảm giác gần gũi hơn, dịu dàng hơn,

410

gèng hǎo xiāngchǔ yīdiǎn.

更好相处一点。

để chung sống hơn.

411

Érqiě kěyǐ hé tā liáo liáo huàzhuāngpǐn shénmede,

而且可以和他聊聊化妆品什么的,

Hơn nữa còn có thể cùng nhau nói về mỹ phẩm, v.v,

412

kěnéng huì gèng dǒng nǚháizi de xīn.”

可能会更懂女孩子的心。”

có thể anh ta sẽ hiểu con gái hơn.”

413

Nǐ kàndào zhège... | Zhège wǒ tóngyi āi!

你看到这个... | 这个我同意唉!

Bạn xem cái này... | Cái này mình đồng tình!

414

Zhège nǚshēng de huà gēn qiánmiàn nà liǎng gè jiùshì bù yīyàng le,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

这个女生的话跟前面那两个就是不一样了,

Quan điểm của cô gái này khác với hai người trước.

415

tā shíjìshàng tā shì zìjǐ hěn xǐhuan zhèyàng de nánháizi,

她实际上她是自己很喜欢这样的男孩子,

Thực tế cô ấy thích kiểu con trai như thế này,

416

yīnwèi nǚxìnghuà de nánháizi kěnéng gèng dǒng nǚshēng de,

因为女性化的男孩子可能更懂女生的,

là bởi vì con trai nữ tính có thể sẽ hiểu con gái hơn

417

xīnli xiǎngyào de dōngxi

心里想要的东西

biết được con gái trong lòng muốn gì.

418

Wǒ juéde wǒ tóngyi zhège shuōfǎ.

我觉得我同意这个说法。

Mình nghĩ mình đồng tình với điều này.

419

Xiàmiàn zhège shì zhèyàng shuō de,

下面这个是这样说的,

Bình luận tiếp theo nói rằng:

420

“Běnrén chāo xǐhuan gay huòzhě yǒu zhèzhǒng qìzhì de nánshēng,

“本人超喜欢 gay 或者有这种气质的男生,

“Mình thực sự rất thích những người gay hoặc những bạn con trai có tính khí như thế

421

jiù juéde zhèxiē nánshēng bùróngyì duì nánshēng hé nǚshēng

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

就觉得这些男生不容易对男生和女生

bởi vì mình cảm thấy con trai như vậy sẽ không có thành kiến

422

cúnzài mǒuxiē gùzhí de piānjiàn, gèng néng lǐjiě bǐcǐ.”

存在某些固执的偏见，更能理解彼此。”

đối với nam hay nữ, dễ thấu hiểu nhau hơn.”

423

Nǐ kàn zhège guāndiǎn jiù hěn chāoqián, hěn qiánwèi

你看这个观点就很超前，很前卫

Bạn xem, quan điểm này rất tiên bộ.

424

Bù shì, zhè shì gè nǚhái shuō de ma?

不是，这是个女孩说的吗？

Đợi đã, đây là con gái nói sao?

425

Duì, zhè shì gè nǚhái shuō de

对，这是个女孩说的

Đúng vậy, một cô gái nói.

426

Dànshì tā shuō tā gèng xǐhuan gay

但是她说她更喜欢 gay

Nhưng mà cô ấy nói thích gay

427

shì zhǐ zuò péngyou ba yīnggāi shì shuō,

是指做朋友吧应该是说，

ý là chǐ là thích làm bạn bè thôi chứ

428

bùkěnéng gēn tā fāzhǎn nánǚ péngyou.

不可能跟他发展男女朋友。

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

chứ không thể nào phát triển lên quan hệ nam nữ được.

429

Kěnéng shì ba!

可能是吧!

Có thể là như vậy!

430

Nà xiàmian wǒmen lái shuō yī shuō jiùshì

那下面我们来说一说就是

Tiếp theo hãy cùng thảo luận

431

dǎozhì zhège xiànxàng de yuányīn yǒu nǎxiē ba?

导致这个现象的原因有哪些吧?

những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng này nhé.

432

Wǒ zhīqián yě jiùshì sīkǎo guò zhè fāngmiàn wèntí,

我之前也就是思考过这方面问题,

Trước đây mình cũng từng nghĩ đến vấn đề này,

433

yīnwèi zìjǐ yǒu guānzhù guò zhèxiē wèntí.

因为自己有关关注过这些问题。

bởi vì bản thân cũng quan tâm đến vấn đề này.

434

Nà wǒ zǒngjié ne dàgài yǒu liǎng fāngmiàn de yuányīn,

那我总结呢大概有两方面的原因,

Vậy nên mình xin tổng kết có hai nguyên nhân.

435

shǒuxiān wǒ shuō yīxià dìyī fāngmiàn de yuányīn,

首先我说一下第一方面的原因,

Nói về nguyên nhân đầu tiên

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

436

zhè yě shì nánxìng nǚxìnghuà de zhège shìjiàn de yī gè wàiyīn.

这也是男性女性化的这个事件的一个外因。

đó là nguyên nhân khách quan.

437

Zhège nánxìng nǚxìnghuà zhège xiànxàng

这个男性女性化这个现象

Hiện tượng nam giới nữ tính hóa này

438

shíjìshàng bùzhǐ shì zài Zhōngguó yǒu fāshēng,

实际上不只是在中国有发生，

thực tế không phải chỉ xuất hiện ở Trung Quốc.

439

qíshí zài Hánguó Riběn qíshí zǎojiù yǒu zhèzhǒng xiànxàng,

其实在韩国日本其实早就有这种现象，

Thực ra ở Hàn Quốc, Nhật Bản cũng đều có hiện tượng này từ rất lâu.

440

yīnggāi nǐ yě guānchá dào le.

应该你也观察到了。

Chắc là bạn cũng biết.

441

Duì, zài nàge Hán jù lǐmiàn

对，在那个韩剧里面

Đúng vậy, ở trong các bộ phim Hàn Quốc,

442

jiù jīngcháng nénggòu kàndào nàzhǒng cháng tuǐ ōubā.

就经常能够看到那种长腿欧巴。

cũng thường thấy rất nhiều oppa chân dài.

Chú thích: “Ouba” là một thuật ngữ tiếng Hàn được các cô gái sử dụng để chỉ những

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

chàng trai lớn tuổi hơn họ.

443

Ōubā, duì, hǎoduō ōubā, duì

欧巴，对，好多欧巴，对

Oppa, đúng, có rất nhiều oppa!

444

Zài shàng gè shìjì de qīshí niándài ne,

在上个世纪的 70 年代呢，

Vào những năm 1970

445

Rìběn dāngshí de jiùshì yúlè chǎnyè

日本当时的就是娱乐产业

nền công nghiệp giải trí của Nhật Bản

446

gānggang kāishǐ péngbó fāzhǎn, gāng kāishǐ juéqǐ.

刚刚开始蓬勃发展，刚开始崛起。

vừa mới phát triển mạnh mẽ, trỗi dậy.

447

Ránhòu zhège shíqī ne shòudào le yī gè zěnyàng de yǐngxiǎng ne?

然后这个时期呢受到了一个怎样的影响呢？

Trong thời kỳ này đã chịu những ảnh hưởng gì?

448

Shòudào le xīfāng de hòu xiàndài sīcháo de yī gè yǐngxiǎng,

受到了西方的后现代思潮的一个影响，

Chịu ảnh hưởng của tư tưởng hậu hiện đại phương Tây,

449

jiù dāngshí de hòu xiàndài sīcháo gānghǎo yǒngrù le Rìběn shèhuì,

就当时的后现代思潮刚好涌入了日本社会，

tư tưởng này tràn vào xã hội Nhật Bản lúc bấy giờ,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

450

nà tā duì Rìběn de shèhuì shíjìshàng shì huì yǒu yīzhǒng chōngjī de.

那它对日本的社会实际上是会有一种冲击的。

thực sự đã có tác động rất lớn đến xã hội Nhật Bản.

451

Yīnwèi yǐqián ma, Rìběn qíshí shòu Zhōngguó yǐngxiǎng,

因为以前嘛，日本其实受中国影响，

Bởi vì trước đó Nhật Bản chịu ảnh hưởng bởi Trung Quốc,

452

tā shì yī gè bǐjiào chuántǒng de shèhuì móshì,

它是一个比较传统的社会模式，

mô hình xã hội khá truyền thống.

453

dàjiā de sīxiǎng yě dōu bǐjiào chuántǒng,

大家的思想也都比较传统，

Vậy nên tư tưởng của mọi người cũng khá truyền thống,

454

zhè yě shì dōngfāng de yīzhǒng tèxìng ba, duì

这也是东方的一种特性吧，对

đây cũng là đặc điểm nổi bật ở phương Đông.

455

Ránhòu ne zài zhège chuántǒng guānniàn lǐmiàn

然后呢在这个传统观念里面

Trong quan điểm truyền thống này,

456

shíjìshàng jiù huì yǒu yīzhǒng gùzhí de piānjiàn,

实际上就会有一种固执的偏见，

thực tế sẽ có một loại thành kiến bảo thủ,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

457

bǐrú shuō duì nánxìng hé nǚxìng de jiùshì zhèzhǒng fēnlèi a,
比如说对男性和女性的就是这种分类啊,
ví dụ như khi phân loại giới tính nam nữ,

458

nánxìng shì shénme, nǚxìng shì shénme, jiùshì dìngyì de hěn yánsù.
男性是什么，女性是什么，就是定义地很严肃。
định nghĩa thế nào là nam giới, thế nào là nữ giới rất nghiêm khắc.

459

Nà hòu xiàndài sīcháo de yī gè zhǔyào de yī gè mùdì jiùshì shénme ne?
那后现代思潮的一个主要的一个目的就是什么呢?
Vậy mục đích chính của tư tưởng hậu hiện đại là gì?

460

Jiùshì jìnxíng diǎnfù, jiùshì duì xiànyǒu de zhèxiē guīzé,
就是进行颠覆，就是对现有的这些规则，
Nó đã đảo ngược các quy tắc

461

xiànyǒu de zhèxiē chuántǒng de sīxiǎng jìnxíng diǎnfù
现有的这些传统的思想进行颠覆。
các tư tưởng truyền thống hiện có.

462

Nà nǐ xiǎngxiang zài wǒmen dōngfāng zhège wénmíng dāngzhōng,
那你想想在我们东方这个文明当中，
Bạn nghĩ thử xem trong nền văn minh phương Đông của chúng ta,

463

Nǐ duì nǎxiē shìqíng jìnxíng diǎnfù
你对哪些事情进行颠覆
bạn có thể đảo ngược những điều gì

464

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

huì chǎnshēng jiùshì fēicháng qiángliè de xiàoguǒ ne?

会产生就是非常强烈的效果呢？

để có hiệu quả mạnh mẽ hơn?

465

Bù zhīdao a

不知道啊

Mình không biết.

466

Bù zhīdao, shì ba?

不知道，是吧？

Không biết, phải không?

467

Jiùshì yīnwèi wǒmen... wǒ gāngcái yǒu tíshì o!

就是因为我們... 我剛才才有提示哦！

Là bởi vì... Mình vừa mới đưa ra gợi ý đó!

468

Xìngbié shì ma?

性別是嗎？

Giới tính à?

469

Duì, zhèyàng dehuà huì yǒu hěndà de chōngjī xiàoguǒ ma.

对，这样的话会有很大的冲击效果嘛。

Đúng, như vậy sẽ đem lại ảnh hưởng rất lớn.

470

Suǒyǐ shuō zài Rìběn dāngshí

所以说在日本当时

Vì vậy tại thời điểm đó ở Nhật Bản,

471

jiùshì chūxiàn le hěnduō de yīxiē yáogǔn míngxīng.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

就是出现了很多的一些摇滚明星。

xuất hiện rất nhiều ngôi sao nhạc rock.

472

Wǒ bù zhīdao nǐ yǒuméiyǒu tīng yáogǔnyuè de xíguàn, Eileen?

我不知道你有没有听摇滚乐的习惯，Eileen?

Không biết là bạn có thói quen nghe nhạc rock không Eileen?

473

Wǒ hǎoxiàng bùtài zhuī xīng.

我好像不太追星。

Mình không hay theo dõi các ngôi sao lắm.

474

Zhīhòu wǒ kěyǐ gěi nǐ tuījiàn yīxiē hǎotīng de yáogǔn yuèshǒu. | Hǎo, xíng

之后我可以给你推荐一些好听的摇滚乐手。| 好，行

Để sau mình sẽ gợi ý cho bạn một vài nhạc sĩ rock and roll giỏi. | Okay.

475

Tāmen shòu hòu xiàndài sīcháo de yǐngxiǎng,

他们受后现代思潮的影响，

Họ bị ảnh hưởng bởi các tư tưởng hậu hiện đại,

476

ránhòu guānniàn a jiù tèbié de kāifàng,

然后观念啊就特别的开放，

nên quan điểm của những người nhạc sĩ này cũng rất mở,

477

ránhòu tāmen de zàoxíng ne jiù jiànlì zài yīzhǒng mùdì shàng,

然后他们的造型呢就建立在一种目的上，

sau đó tạo hình phong cách của họ cũng dựa trên một mục đích

478

jiùshì duì xìngbié guānniàn de yīzhǒng diǎnfù.

就是对性别观念的一种颠覆。

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

đó là phá vỡ các quan niệm về giới.

479

Hěnduō de nán de yáogǔn míngxīng

很多的男的摇滚明星

Rất nhiều ngôi sao nhạc rock nam

480

jiù dǎban de hěn zhōngxìng huà, shènzhì shì hěn nǚxìng huà.

就打扮得很中性化，甚至是很女性化。

đều ăn mặc theo phong cách trung tính, thậm chí là nữ tính.

481

Ránhòu dāngshí yě shì yǐnqǐ le hěndà de yī gè shèhuì cháo liú,

然后当时也是引起了很大的一个社会潮流，

Sau đó nó tạo ra một xu hướng thời trang mới trong xã hội,

482

màn màn de cóng yáogǔn míngxīng yǐngxiǎng dào

慢慢地从摇滚明星影响到

dần dần những ngôi sao nhạc rock này cũng tạo ra ảnh hưởng tới

483

qítā yīnyuè lèixíng de míngxīng,

其它音乐类型的明星，

các ngôi sao âm nhạc khác,

484

yǐngxiǎng dào yǎnyìquān de rén, yǐngxiǎng dào zhǔchí rén,

影响到演艺圈的人，影响到主持人，

các diễn viên và cả những người dẫn chương trình,

485

zuìhòu zhěnggè yúlè chǎnyè nèi ne dàjiā de guānniàn dōu bǐjiào kāifàng,

最后整个娱乐产业内呢大家的观念都比较开放，

Cuối cùng, quan niệm của tất cả mọi người trong ngành giải trí đều khá cởi mở,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

486

ránhòu jiù xíngchéng le zhèzhǒng cháoliú ma.

然后就形成了这种潮流嘛。

và hình thành nên xu hướng này.

487

Nà zhèzhǒng cháoliú hòulái chuán dào le Hánguó,

那这种潮流后来传到了韩国，

Sau đó xu hướng này lan sang Hàn Quốc,

488

Nǐ kàn Hánguó de nàxiē míngxīng,

你看韩国的那些明星，

Bạn thấy những người nổi tiếng ở Hàn

489

zǎonián de yīxiē míngxīng dōu shì hěn nǚxìnghuà de.

早年的一些明星都是很女性化的。

cả những ngôi sao đời đầu cũng rất nữ tính.

490

Duì, hěn xiǎoxiānròu de, duì ba?

对，很小鲜肉的，对吧？

Đúng, rất giống tiểu thịt tươi nhỉ?

491

Xiànzài yě shì a

现在也是啊

Bay giờ cũng vẫn vậy.

492

Duì, xiànzài yě shì zhèyàng.

对，现在也是这样。

Đúng thế, bây giờ vẫn vậy.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

493

Ránhòu zài yīdiǎndiǎn chuán dào Zhōngguó, duì

然后再一点点传到中国，对

Rồi dần dần nó lan truyền sang Trung Quốc

494

cái xíngchéng xiànzài de yī gè zhège yàngzi.

才形成现在的一个这个样子。

nên mới tạo ra hiện tượng như bây giờ.

495

Wǒ juéde Hánguó míngxīng,

我觉得韩国明星，

Mình cảm giác trong các ngôi sao Hàn Quốc

496

wǒ jìyì dāngzhōng zuì bù xiàng xiǎoxiānròu de jiùshì Rain,

我记忆当中最不像小鲜肉的就是 Rain，

thì mình nhớ là người không giống tiểu thịt tươi nhất là Rain,

497

nǐ zhīdao nàge làngmàn mǎnwū lǐmiàn de. | Rain shì

你知道那个浪漫满屋里面的。| Rain 是

Đó là diễn viên trong bộ phim ngôi nhà hạnh phúc. | À, Bi Rain.

498

Tā jiùshì jīròu hěn fādá | Tā shì yǒu jīròu de

他就是肌肉很发达 | 他是有肌肉的

Cậu ấy rất có cơ bắp | Cậu ấy có cơ bắp.

499

Duì, jīròu hěn fādá, wǒ juéde hǎo shuài.

对，肌肉很发达，我觉得好帅。

Đúng vậy, có cơ bắp, mình còn thấy rất đẹp trai.

500

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Kànlai nǐ hěn xǐhuan!

看来你很喜欢!

Xem ra bạn rất thích cậu này!

501

Nà hòu xiàndài sīcháo tā de yǐngxiǎng zuìdà de dìfang

那后现代思潮它的影响最大的地方

Nơi mà tư tưởng hậu hiện đại có ảnh hưởng lớn nhất

502

jiùshìshuō dàjiā de guānniàn gèng kāifàng le.

就是说大家的观念更开放了。

quan niệm của mọi người càng cởi mở.

503

Tā zhìshǎo shì tígōng le yī gè kōngjiān ba,

它至少是提供了一个空间吧，

ít nhất nó cũng đem tới một không gian

504

dàjiā qù fāhuī zìjǐ gèxìng de kōngjiān.

大家去发挥自己个性的空间。

để mọi người được thể hiện cá tính của mình.

505

Ránhòu ne wǒ dìèr fāngmiàn yuányīn ne shíjìshàng jiùshì

然后呢我第二方面原因呢实际上就是

Nguyên nhân thứ hai thực ra đó là

506

yě kěyǐ jiàozuò yī gè nèi yīn.

也可以叫做一个内因。

có thể gọi là nguyên nhân nội tại.

507

Wǒmen dōngfāng de jiùshì gǔdài de yīxiē guānniàn gēn xīfāng shì bùtóng de,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

我们东方的就是古代的一些观念跟西方是不一样的，

Một vài quan điểm của người phương Đông cổ đại không giống với phương Tây,

508

cóng yìshù zuòpǐn dāngzhōng jiù kěyǐ kàndào.

从艺术作品当中就可以看到。

có thể thấy được từ các tác phẩm nghệ thuật.

509

Kàn xīfāng nàge gǔxīlà de diāosù, nǐ xiǎngxiang

看西方那个古希腊的雕塑，你想想

Hãy nhìn vào những tác phẩm điêu khắc Hy Lạp cổ

510

dōu shì nàzhǒng lìliàng gǎn de, yǒu hěnduō jīròu de, duì ba? | Dui

都是那种力量感的，有很多肌肉的，对吧？ | 对

đều có cảm giác mạnh mẽ, cơ bắp phải không? | Đúng thế.

511

Dànshì zài wǒmen gǔdiǎn de jiùshì huàzuò dāngzhōng,

但是在我們古典的就是畫作當中，

Nhưng trong các tác phẩm nghệ thuật cổ điển của chúng ta

512

nǐ kàn nàxiē wúlùn shì nán hái shì nǚ de dōu duì huà de bǐjiào miáotiao.

你看那些无论是男还是女的都对画得比较苗条。

bất kể là nam hay nữ đều được vẽ rất mảnh mai.

513

Qíshí shěnměi shì bù yīyàng de, jiùshì zìrán guānniàn bù yīyàng,

其实审美是不一样的，就是自然观念不一样。

Tiêu chuẩn về đẹp không giống nhau, quan điểm tự nhiên cũng khác nhau,

514

Yīnwèi zài xīfāng tā de zìrán guānniàn shì zhèyàng de,

因为在西方它的自然观念是这样的，

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Bởi vì quan điểm của người phương Tây về tự nhiên như thế này,

515

jiùshì rén ne yào yǒu yīxiē zhǔdòng xìng, wǒmen yào qù gǎibiàn zìrán,

就是人呢要有一些主动性，我们要去改变自然，

con người cần có sự chủ động, thay đổi tự nhiên,

516

shènzhì shì duìkàng zìrán, jiùshì zhǔdòng xìng.

甚至是对抗自然，就是主动性。

thậm chí là chống lại tự nhiên, đó là tính chủ động.

517

Nà nǐ yǒu zhǔdòng xìng dehuà, jiù yāoqiú nǐ yào yǒu yīzhǒng shénme?

那你有主动性的话，就要求你要有一种什么？

Vậy thì nếu muốn có sự chủ động thì phải cần cái gì?

518

Lìliang, duì ba?

力量，对吧？

Sức mạnh, phải không?

519

Nǐ yào yǒu lìliang cái néng duìkàng zìrán ma.

你要有力量才能对抗自然嘛。

Bạn cần phải có sức mạnh mới có thể chống lại tự nhiên.

520

Nà zài dōngfāng shíjìshàng gèngduō qiángdiào de shì

那在东方实际上更多强调的是

Nhưng ở phương Đông lại nhấn mạnh

521

rén yǔ zìrán de yīzhǒng jiéhé,

人与自然的一种结合，

sự hòa hợp giữa con người và tự nhiên.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

522

érqiě zài gǔdài, zài Zhōngguó gǔdài yǒu hěnduō de shīrén a, yǐnshì a

而且在古代，在中国古代有很多的诗人啊，隐士啊

Hơn nữa Trung Quốc cổ đại còn có rất nhiều nhà thơ và ẩn sĩ

523

dōu xǐhuan pǎo dào shān lǐ qù yǐnjū.

都喜欢跑到山里去隐居。

đều thích đi đến những vùng núi để ẩn náu.

524

Lǐbái | Duì

李白 | 对

Lý Bạch (một nhà thơ nổi tiếng) | Đúng vậy

525

Tāmen jiùshì yào gēn dàzìrán

他们就是要跟大自然

Họ muốn hòa làm một

526

jiùshì róngwéiyītǐ de nàzhǒng gǎnjué, xiāoyǐn de zhuàngtài

就是融为一体的那种感觉，消隐的状态

với thiên nhiên, trạng thái tan biến.

527

Nà xiāoyǐn de zhuàngtài shíjìshàng tā de shěnměi jiù huì piān róuhé yīdiǎn.

那消隐的状态实际上它的审美就会偏柔和一点。

Ở trạng thái đó thì tiêu chuẩn về đẹp của con người sẽ nhẹ nhàng và dịu dàng hơn.

528

Wǒ yě juéde gǔdài hǎoxiàng zhǎngde qīngxiù de

我也觉得古代好像长得清秀的

Mình cũng cảm thấy người cổ đại đều có vẻ rất thanh tú

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

529

nàzhǒng xiùcai de xíngxiàng gèngjiā shòuhuānyíng.

那种秀才的形象更加受欢迎。

“Tú tài” thường được mọi người yêu thích.

Chú thích: Xiuca - Tú tài dùng để chỉ người đã đỗ kỳ thi danh giá nhất thời nhà Minh và nhà Thanh.

530

Duì, shì zhèyàng de.

对，是这样的。

Đúng là như vậy.

531

Gǔdài yǒu gè shīrén tā jiàozuò Liǔyǒng, tèbié yǒumíng de yī gè shīrén.

古代有个诗人他叫做柳永，特别有名的一个诗人。

Ở thời cổ đại có một nhà thơ nổi tiếng tên Lưu Dung.

532

Tā shēngqián ne, tā jiùshì nàzhǒng wénzhībīnbīn de shūshēng ma,

他生前呢，他就是那种文质彬彬的书生嘛，

Khi còn sống, ông là một thư sinh nho nhã như vậy,

533

ránhòu tā xǐhuan xiě shī jiù shòudào hěnduō nǚxìng de xǐhuan.

然后他喜欢写诗就受到很多女性的喜欢。

ông làm thơ và rất được phụ nữ yêu thích.

534

Ránhòu dāngshí zài gǔdài Zhōngguó yě yǒu nàzhǒng jìyuàn ma,

然后当时在古代中国也有那种妓院嘛，

Ở thời đó Trung Quốc còn có kĩ viện,

535

ránhòu zài Liǔyǒng sǐ de nàtiān jiùshì | Qīnglóu

然后在柳永死的那天就是 | 青楼

Vào ngày mà Lưu Dung chết... | “Lầu xanh”

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

536

Duì, zài gǔdài yě yǒu hěnduō de qīnglóu,
对，在古代也有很多的青楼，
Đúng, thời cổ đại có rất nhiều “lầu xanh”.

537

qīnglóu jiùshìshuō nánrén zhǎo...
青楼就是说男人找...
“Lầu xanh” là nơi thời cổ đại nam nhân đến

538

huāqián zhǎo nǚháizi de dìfang, zài gǔdài
花钱找女孩子的地方，在古代
bỏ tiền ra tìm nữ nhân.

539

Zài tā qùshì de nà yītiān,
在他去世的那一天，
Vào ngày ông chết,

540

tā suǒ zhù de nàge chéngshì de suǒyǒu de qīnglóu dōu guānmén,
他所住的那个城市的所有的青楼都关门，
tất cả các kĩ viện ở thành phố đều đóng cửa,

541

wèile zhuīdào tā.
为了追悼他。
để tưởng niệm ông.

542

Wa! Zhème lihai!
哇！这么厉害！
Wow! Đỉnh thật!

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

543

Duì, nǐ xiǎngdào tā kěndìng hěn shòu dàijiā xǐhuan le.

对，你想到他肯定很受大家喜欢了。

Đúng vậy, bạn có thể tưởng tượng ra họ yêu thích ông ấy thế nào.

544

Nà shìbùshì yě shuōmíng tā jīngcháng qù guàng zhège qīnglóu a?

那是不是也说明他经常去逛这个青楼啊?

Vậy điều đó có nghĩa là ông ấy cũng thường đến kĩ viện?

545

Shì ba, tā yī gè shūshēng

是吧，他一个书生

Có thể, ông ấy là một thư sinh

546

wǒ juéde kěnéng jiùshì děi zài zhèxiē dìfang shēnghuó.

我觉得可能就是得在这些地方生活。

Mình nghĩ là ông ấy phải sống xung quanh những nơi đó.

547

Hǎo ba hảo ba!

好吧好吧!

Okay.

548

Bùguò nǐ shuō de nàge shěnměi a,

不过你说的那个审美啊,

Có điều tiêu chuẩn về đẹp mà bạn nhắc tới

549

qíshí zhège yě shì, xiàng nǐ gānggang jiǎng de

其实这个也是，像你刚刚讲的

thực ra cũng là, giống như bạn vừa mới nói

550

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

shì yī gè dōngxīfāng duìyú nánxìng shěnměi de yī gè chāyì.

是一个东西方对于男性审美的一个差异。

đó là sự khác biệt về tiêu chuẩn với nam giới ở phương Đông và phương Tây.

551

Jǔ gè lìzi ba, zài Měiguó

举个例子吧，在美国

Ví dụ như ở Mỹ,

552

yīxiē nánháizi tāmen huì wèile zēngzhǎng jīròu huì chīyào,

一些男孩子他们会为了增长肌肉会吃药，

có những người đàn ông vì muốn có cơ bắp nên uống thuốc,

553

ránhòu huì dǎ nàzhǒng jīsù ràng zìjǐ biànde hěn yǒu jīròu

然后会打那种激素让自己变得很有肌肉

hoặc dùng loại hormone để phát triển cơ bắp

554

hěn yǒu lìliang de nàzhǒng gǎnjué, hěn yánggāng.

很有力量的那种感觉，很阳刚。

để có cảm giác mạnh mẽ, men lì.

555

Suǒyǐ cóng zhèlǐ jiù kěyǐ kàncū tāmen de shěnměi

所以从这里就可以看出他们的审美

Ví vậy có thể thấy tiêu chuẩn thẩm mỹ của họ

556

shì gēn wǒmen shì wánquán bù yīyàng de.

是跟我们是完全不一样的。

khác biệt hoàn toàn so với chúng ta.

557

Wǒ juéde Zhōngguó de nǚháizi bù xǐhuan nàzhǒng tǐgé hěndà de jīròu nán,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

我觉得中国的女孩子不喜欢那种体格很大的肌肉男，

Mình cảm thấy con gái Trung Quốc không thích con trai cao to, nhiều cơ bắp,

558

xiāngfǎn gèng xǐhuan yǒu yīdiǎndiǎn jīròu jiù hǎo le,

相反更喜欢有一点点肌肉就好了，

thay vào đó lại thích những chàng trai chỉ có chút cơ bắp thôi,

559

jiù shēncái shāowēi yúncèn yīdiǎn de, duì ba?

就身材稍微匀称一点的，对吧？

cơ thể cân đối một chút, phải không?

560

Duì, shì zhèyàngzi de.

对，是这样子的。

Đúng là như vậy.

561

Kěnéng shì zài gèng dòngdàng de shíqī,

可能是在更动荡的时期，

Có lẽ là ở các thời kỳ hỗn loạn hơn,

562

nǚxìng qíshí shì xūyào nàzhǒng hěn jiànzhuàng de nánrén qù bǎohù tā,

女性其实是需要那种很健壮的男人去保护她，

phụ nữ cần những người đàn ông mạnh mẽ để bảo vệ họ,

563

tā cái huì juéde yǒu... shēnghuó huì yǒu ānquángǎn.

她才会觉得有... 生活会有安全感。

có như vậy mới có cảm giác an toàn.

564

Dàn shì zài wǒmen xiànzài zhège shèhuì xíngtài xià,

但是在我们现在这个社会形态下，

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Nhưng trong xã hội bây giờ của chúng ta,

565

yīnwèi shèhuì yào gèng wénmíng le, fǎzhì yào gèng jiànquán le,

因为社会要更文明了，法制要更健全了，

bởi vì xã hội ngày càng văn minh, luật pháp cũng ngày càng hoàn thiện

566

shíjìshàng nǚxìng kěnéng jiùshì bùxūyào

实际上女性可能就是不需要

phụ nữ có lẽ không quá còn cần

567

yī gè fēicháng qiángzhuàng de nánrén qù bǎohù tā.

一个非常强壮的男人去保护她。

một người đàn ông quá mạnh mẽ để bảo vệ họ.

568

jiùshì tā xūyào yī gè gēn tā yǒu píngděng guānxi de nánxìng,

就是她需要一个跟他有平等关系的男性，

Họ có lẽ sẽ cần một mối quan hệ bình đẳng với một người đàn ông,

569

nénggòu fēnxiǎng shēnghuó dāngzhōng de xǔduō kuàilè

能够分享生活当中的许多快乐

có thể chia sẻ những niềm vui

570

yǔ bù kuàilè de shìqíng.

与不快乐的事情。

cũng như nỗi buồn trong cuộc sống.

571

Érqiě wǒ juéde xiànzài de nǚxìng yě bǐjiào dúlì le,

而且我觉得现在的女性也比较独立了，

Hơn nữa mình cảm thấy phụ nữ ngày nay khá độc lập,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

572

bùnlùn shì jīnqián shàngmian háishi réngé shàngmian dōu gèngjiā dúlì le,
不论是金钱上面还是人格上面都更加独立了,
kể cả là về mặt tài chính hay là trong suy nghĩ đều rất độc lập.

573

suǒyǐ kěnéng tāmen yě xīwàng nénggòu zhǎodào yī gè
所以可能她们也希望能够找到一个
Vì vậy nên họ hy vọng tìm được một người con trai

574

nénggòu tīng zìjǐ huà de,
能够听自己话的,
có thể lắng nghe họ,

575

huòzhě shì kěyǐ gènghǎo gōutōng de nàzhǒng lèixíng.
或者是可以更好沟通的那种类型。
hoặc có thể dễ dàng trò chuyện.

576

Shìde, shì zhèyàng de.
是的，是这样的。
Đúng vậy.

577

Ránhòu zhège nánxìng nǚxìnghuà qíshí yě yǒuyīxiē wǎngyǒu huì shuō dào,
然后这个男性女性化其实也有一些网友会说到,
Vấn đề nam giới nữ tính hóa này, cũng có những cư dân mạng cho rằng

578

zhège qíshí bìngbù shì shuō shénme nánxìng biànde yuèlái yuè nǚháizi le,
这个其实并不是说什么男性变得越来越女孩子了,
không phải là con trai trở nên nữ tính

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

579

tāmen zhǐbùguò shì biànde yuèláiyuè jīngzhì le,
他们只不过是变得越来越精致了,
mà họ chỉ là trở nên tỉ mỉ hơn,

580

jiùshì tāmen huì qù dǎban le.
就是他们会去打扮了。
họ biết trang điểm.

581

Yīnwèi... zhège shuō qǐlai jiù yǒudiǎn huà cháng le,
因为... 这个说起来就有点话长了,
Bởi vì... Nếu nói cái này thì hơi hơi dài dòng.

582

zhè gēn wǒmen de jiàzhíguān yě yǒudiǎn guānxi.
这跟我们的价值观也有点关系。
Cái này thực ra liên quan đến giá trị quan.

583

Jiùshì wǒmen de chuántǒng sīxiǎng dāngzhōng
就是我们的传统思想当中
Trong suy nghĩ truyền thống của chúng ta,

584

jiùshì nánxìng jiù yīnggāi shì fù qī jiāting de zérèn,
就是男性就应该是负起家庭的责任,
đàn ông nên là người chịu trách nhiệm về gia đình,

585

suǒyǐ shuō nánrén zhèngqián yǎngjiā,
所以说男人挣钱养家,
nên đàn ông cần đi kiếm tiền nuôi gia đình.

586

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

ér nǚháizi jiù fùzé màoměi rúhuā jiù hǎo le.

而女孩子就负责貌美如花就好了。

Còn con gái chỉ cần đẹp là được.

587

Xiànzài de nánháizi zhǐbùguò shì gèngjiā zhùzhòng dǎban le,

现在的男孩子只不过是更加注重打扮了，

Con trai ngày nay đã chú tâm hơn đến ngoại hình rồi,

588

qíshí yě méiyǒu shénme wèntí.

其实也没有什么问题。

thực ra cũng chẳng có vấn đề gì.

589

Dànshì wǒmen suǒ shuō de zhínán kěnéng tāmen zài jiéhūn zhīhòu

但是我们所说的直男可能他们在结婚之后

Nhưng trai thẳng sau khi kết hôn,

590

jiù bù qù dǎban zìjǐ le,

就不去打扮自己了，

mà không quan tâm đến ngoại hình,

591

jiùshì shénme fàngfēi zìwǒ, gāi chī chī gāi hē hē | Duì

就是什么放飞自我，该吃吃该喝喝 | 对

cứ buông thả bản thân, thích ăn gì thì ăn, thích uống gì thì uống. | Đúng

592

Ránhòu yěbù zhùzhòng gèrénwèishēng,

然后也不注重个人卫生，

Rồi cũng không chú ý vệ sinh,

593

kěnéng yě bù xǐzǎo shénmede.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

可能也不洗澡什么的。

ví dụ như không tắm rửa.

594

Xiànzài yě yǐnqǐ le yīxiē nǚshēng de fǎngǎn.

现在也引起了一些女生的反感。

Nó gây ra sự phản cảm chán ghét đối với phụ nữ.

595

Yīxiē nǚshēng kěnéng huì rènwéi wǒzìjǐ kěyǐ zhèngqián,

一些女生可能会认为我自己可以挣钱，

Một vài phụ nữ nghĩ rằng họ có thể tự kiếm tiền,

596

nà wǒ wèishénme yào gēn yī gè gēn wǒ zhèngqián zhèng de yīyàng duō de,

那我为什么要跟一个跟我挣钱挣得一样多的，

vậy thì tại sao phải ở bên một người đàn ông cũng kiếm được như thế,

597

ránhòu ne yòu bù dǎban zìjǐ de,

然后呢又不打扮自己的，

nhưng lại không chăm chút ngoại hình,

598

bù zhùzhòng gèrénwèishēng de rén zài yìqǐ ne?

不注重个人卫生的人在一起呢？

không chú ý vệ sinh cá nhân chứ?

599

Suǒyǐ wǒ juéde zhège yě shì yǒu zhège nǚxìng de

所以我觉得这个也是有这个女性的

Vì vậy mình nghĩ phụ nữ

600

zài zhège liǎng xìng guānxi zhōng de yī gè xiàng nǐ shuō de fǎnkàng ba.

在这个两性关系中的一个像你说的反抗吧。

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

đã trở trối dậy trong mối quan hệ khác giới.

601

Duì, shì zhèyàngzi.

对，是这样子。

Đúng vậy.

602

Qíshí wǒmen de shèhuì dào jīntiān háishi yǒu jìnbù de,

其实我们的社会到今天还是有进步的，

Thực ra xã hội chúng ta ngày nay có tiến bộ,

603

wǒmen yǒu le gèngduō de zìyóu de kōngjiān,

我们有了更多的自由的空间，

chúng ta có nhiều không gian tự do,

604

fāhuī zìjǐ gèxìng de kōngjiān, qíshí shì yǒu jìnbù de.

发挥自己个性的空间，其实是有进步的。

không gian để phát triển cá tính bản thân.

605

Dàn zhèxiē nánxìng nǚxìnghuà hé nǚxìng nánxìnghuà zhèxiē xiànxàng ne,

但这些男性女性化和女性男性化这些现象呢，

Tuy nhiên, đối với hiện tượng nam giới nữ tính hóa hay nữ giới nam tính hóa

606

shíjìshàng hái huì gěi bǐjiào chuántǒng de rén dàilái fùdān,

实际上还会给比较传统的人带来负担，

trên thực tế vẫn là gánh nặng đối với những người truyền thống,

607

zhè yě shì kěyǐ lǐjiě de.

这也是可以理解的。

đó là điều có thể hiểu được.

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

608

Yīnwèi xīn shìwù bìngbù shì shéi dōu jiùshì bìxū qù jiēshòu, duì

因为新事物并不是谁都就是必须去接受，对

Bởi vì không phải ai cũng có thể chấp nhận một thứ mới.

609

Tā zhège xiànxàng de hǎo de yī miàn

它这个现象的好的一面

Mặt tốt của hiện tượng này

610

jiù zàiyú tā yǐnqǐ le dàjiā de guānzhù gēn tāolùn.

就在于它引起了大家的关注跟讨论。

đó là nó thu hút sự quan tâm thảo luận.

611

Zhège qíshí yě shì cèmiàn de shuōmíng le

这个其实也是侧面地说明了

Nó cho thấy rõ

612

wǒmen zhège shèhuì zài biànde yuèláiyuè yǒu bāoróngxìng le.

我们这个社会在变得越来越有包容性了。

xã hội chúng ta đang ngày càng bao dung hơn.

613

Wǒ xiǎng jīntiān de bōkè dào zhèlǐ yě chàbuduō le.

我想今天的播客到这里也差不多了。

Mình nghĩ là podcast hôm nay cũng đến lúc kết thúc rồi.

614

Zài wǒmen jiéshù zhīqián,

在我们结束之前，

Trước khi kết thúc,

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

615

Xiǎofēng nǐ hái yǒuméiyǒu xiǎng gēn dàjiā shuō de ne?

晓峰你还有没有想跟大家说的呢?

bạn có muốn nói điều gì nữa không, Hiểu Phong?

616

Jiùshì xīwàng yǐhòu dàjiā xué hǎo wǒ de dōngběi huà.

就是希望以后大家学好我的东北话。

Mình hi vọng mọi người sẽ học thật tốt tiếng Đông Bắc.

617

Nà jīntiān de bōkè dào zhèlǐ jiù jiéshù le.

那今天的播客到这里就结束了。

Vậy thì podcast hôm nay của chúng ta đến đây là hết.

618

Nánxìng nǚxìnghuà zhège xiànxàng

男性女性化这个现象

Hiện tượng nam giới nữ tính hóa

619

zài nǐmen de guójiā shìbùshì yě cúnzài ne?

在你们的国家是不是也存在呢?

có tồn tại ở nước bạn không?

620

Háiyǒu nǐmen duì zhège xiànxàng yòu yǒu shénme kànfǎ ne?

还有你们对这个现象又有什么看法呢?

Và các bạn nghĩ sao về nó?

621

Huānyíng dàjiā zài xiàmian liúyán tāolùn o!

欢迎大家在下面留言讨论哦!

Hoan nghênh các bạn để lại bình luận nhé!

622

Tại Sao Một Số Đàn Ông Trung Quốc Lại Trở Nên Nữ Tính?

Nà wǒmen jiù xià qī zàijiàn ba, báibái!

那我们就下期再见吧，拜拜！

Hẹn gặp lại trong tập tiếp theo, bye bye!